

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH**

**2017**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC

**4** Thông tin chung

**16** Tình hình hoạt động trong năm

**32** Báo cáo của Ban Giám đốc

**38** Báo cáo của Hội đồng quản trị

**42** Quản trị công ty

**52** Báo cáo tài chính

# THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị  
Định hướng phát triển  
Rủi ro

Tên giao dịch	Địa chỉ	Số điện thoại	Số fax	Website	Vốn điều lệ	Mã cổ phiếu	Giấy chứng nhận ĐKDN số
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Số 18, đường Phong Định Cảng, P. Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An	0238 385 5524	0238 385 6007	<a href="http://www.nhuabaobivinh.com">www.nhuabaobivinh.com</a>	74,999,720,000 đồng	VBC	2703000092



# Quá trình hình thành và phát triển

1996

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 08 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

2002

Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế thành Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh theo quyết định số 144/2002/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

2003

Công ty chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 14,000,000,000 đồng

2006

Công ty tăng vốn điều lệ lên 15,000,000,000 đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu

Công ty tăng vốn điều lệ lên 18,983,640,000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 17/03/2010

1,101,625 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 19/01/2011, nâng tổng khối lượng niêm yết lên 29,999,890,000 đồng

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nâng số vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng

2008

2010

2011

2017



# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## SẢN PHẨM KINH DOANH

### Bao bì công nghiệp



Bao bì xi măng, bao KP, PK



Bao bì PP



Bao bì Jumbo, Sling (FIBC)



Bao bì OPP, BOPP

### Bao bì chuyên dụng



Bao bì PE



Hạt nhựa tái sinh PP

### Nhựa nguyên liệu



Hạt nhựa PP



Hạt nhựa HDPE, LDPE, LLDPE

## Một số điểm nổi bật trong năm 2017

Trong năm 2017 hệ thống máy móc thiết bị đầu tư giai đoạn 2 dự án Gia Lách, Nghi Xuân, Hà Tĩnh đã phát huy công suất. TSCĐ được đầu tư mới dần thay thế những TSCĐ đã hết khấu hao, lạc hậu, năng suất thấp. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh ngày một tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ xuất khẩu tăng so với năm 2016. Lượng công nhân tuyển dụng tăng nhằm đáp ứng yêu cầu may xuất khẩu và phục vụ cho dự án đầu tư giai đoạn 2. Trong năm 2017 vốn điều lệ được điều chỉnh tăng từ 29.999.890.000 đồng lên 74.999.720.000 đồng.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- In ấn. Chi tiết: in bao bì
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì xi măng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà ở
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán xi măng

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh công ty rộng khắp cả các tỉnh trong nước Việt nam. Đối với xuất khẩu hiện đang xuất đi : Lào, Thái Lan, Malaysia, Philippine, Singapore, Mỹ ....

# Mô hình quản trị



## Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty.

## Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

## Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

## Các phòng ban chức năng

Thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn



# Định hướng phát triển

Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh luôn không ngừng nỗ lực củng cố mọi hoạt động từ sản xuất kinh doanh cho đến xây dựng tổ chức bộ máy vận hành, quản trị doanh nghiệp thông qua việc định hướng rõ ràng, cụ thể mục tiêu cần hướng tới trong từng thời kỳ, hoạch định chiến lược để thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Từ đó hoàn thiện hơn nữa hình ảnh Công ty trong mắt khách hàng cũng như xây dựng mối quan hệ tốt đẹp đối với người lao động, nhà đầu tư và cả các đối tác.



## Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đẩy mạnh hoạt động sản xuất, mở rộng mạng lưới kinh doanh, xây dựng mạng lưới truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như một chiến lược cụ thể để mang sản phẩm đến gần với khách hàng hơn trên cả thị trường trong và ngoài nước từ đó xây dựng thương hiệu uy tín cho cả doanh nghiệp lẫn sự tin dùng đối với sản phẩm của khách hàng. Tiếp tục hoàn thiện các dự án đầu tư, các công trình xây dựng đang triển khai nhằm nâng cấp hoạt động sản xuất, cải tạo trang thiết bị cùng với cập nhật công nghệ, trình độ mới nhằm nâng cao công suất hoạt động hiện tại. Đảm bảo hoạt động công ty luôn ổn định, đáp ứng được nguồn vốn đầu tư nguyên vật liệu đầu vào khi cần thiết, không làm trễ nải quá trình sản xuất.



## Về văn hóa công ty

Tập trung xây dựng văn hóa đoàn thể công ty, xây dựng nơi làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng, tạo sự cân bằng cho nhân viên tạo môi trường thân thiện với các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn. Điều này là rất cần thiết bởi sự thành công trong kinh doanh không chỉ đến từ các sản phẩm của Công ty mà còn đến từ sự đóng góp của những con người, đội ngũ cán bộ công nhân viên hay chính từ những người quản lý đã cống hiến hết sức mình vào sự trưởng thành của doanh nghiệp.



## Về sản phẩm

Công ty tiếp tục nâng cao và phát triển các sản phẩm hiện có về cả chất lượng lẫn sản lượng, mang đến sự tiện nghi cho khách hàng trong tiêu dùng cũng như tính tiện ích hay là cải thiện về mẫu mã sản phẩm phù hợp.



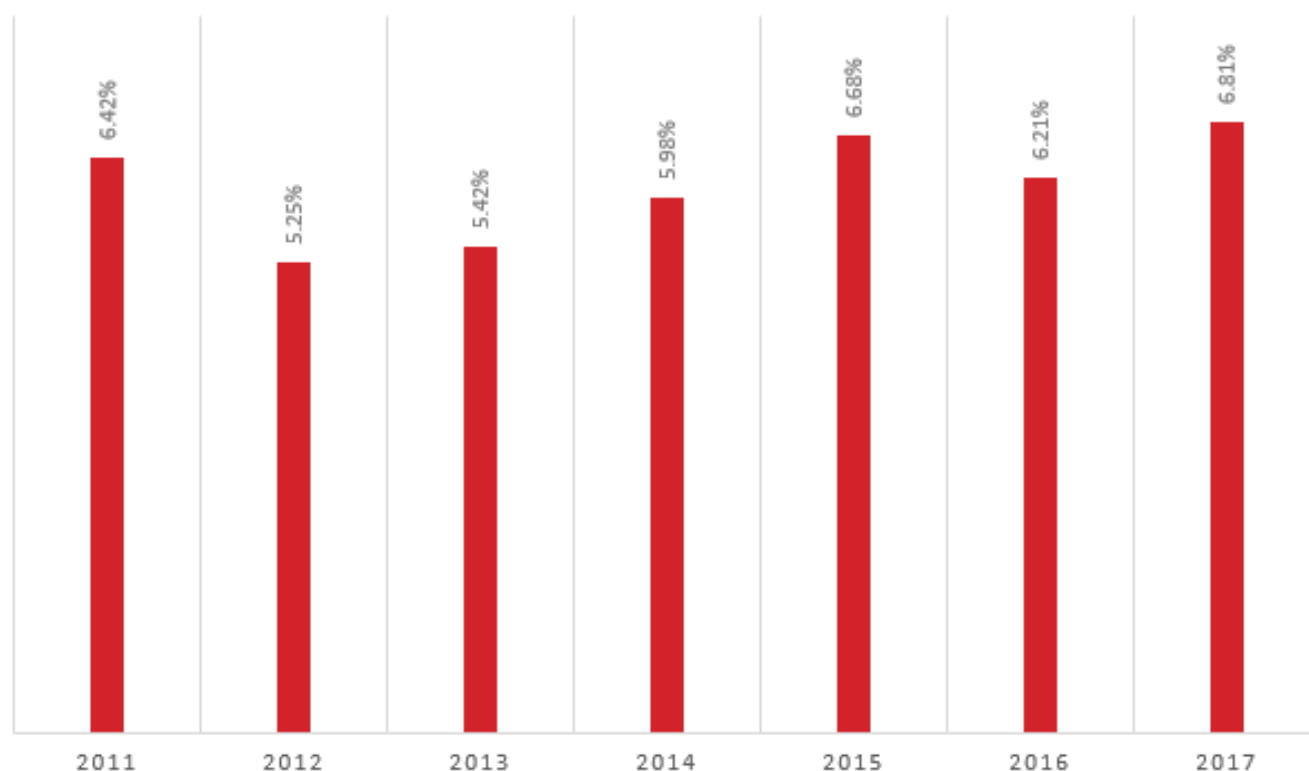


# Rủ ro

## Rủ ro về kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6.81% so với năm 2016, mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6.7% và được coi là mức tăng trưởng cao nhất trong 7 năm trở lại đây. Tốc độ tăng trưởng nhanh kéo theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và khắt khe hơn đối với sản phẩm.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP 2011 - 2017



Về lãi suất, để thực hiện sản xuất, ngoài vốn tự có và vốn huy động qua các hình thức phát hành chứng khoán, hầu hết các doanh nghiệp đều phải sử dụng đến nguồn vốn tín dụng của ngân hàng tuy nhiên việc vay vốn của ngân hàng không hoàn toàn dễ dàng cho các doanh nghiệp. Mặt khác, khi nền kinh tế xảy ra lạm phát cao, Nhà nước buộc phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất cho vay thì các doanh nghiệp lại càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động của doanh nghiệp

## Rủ ro về tài chính

Tỷ giá: nguyên liệu nhựa chủ yếu nhập khẩu và việc thanh toán chủ yếu bằng đồng USD khiến việc tỷ giá USD/VND biến động cũng tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các công ty nhựa trong nước.

Tỷ giá hối đoái: có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng sẽ tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Từ đầu năm 2015, tỷ giá bắt đầu tăng mạnh trở lại sau đó duy trì ổn định cho đến quý 3 2016, từ quý 3 tới nay, tỷ giá có dấu hiệu tăng trở lại. Tính chung, số liệu cập nhật gần cuối năm 2017 của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.

## Rủ ro hoạt động

Theo thống kê của VPA, hiện nay trong nước có khoảng 2000 công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa, trong đó chủ yếu là các công ty nhỏ và vừa. Số lượng công ty lớn cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Số lượng công ty sản xuất nhựa đã có thương hiệu chiếm tỷ trọng lớn trong ngành với mạng lưới hệ thống phủ khắp cả nước là 1 trở ngại không nhỏ đối với các công ty muốn thâm nhập hơn nữa vào ngành.

## Rủ ro về đặc thù ngành

Đặc thù của ngành Nhựa nói chung là phải nhập khẩu đến 80 – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Trong khi đó giá nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu nhựa luôn có sự biến động theo xu hướng giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới, tạo sức ép lớn đến hoạt động sản xuất của chính công ty, làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm Nhựa Việt Nam trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường xuất khẩu, do giá nguyên liệu thường chiếm đến 75 – 80% giá thành của sản phẩm.

## Rủ ro pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguyên liệu đầu vào và giảm chi phí.

## Rủ ro về môi trường

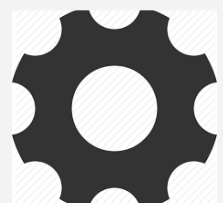
Ô nhiễm môi trường, khí thải là điều không thể tránh khỏi của nền công nghiệp hóa dầu cũng như sản xuất nhựa. Trung bình để phân hủy một sản phẩm nhựa thường mất một khoảng thời gian khá dài ví dụ như một túi nhựa sẽ mất khoảng 400 năm để phân hủy do đặc tính bền dai của polymer. Các sản phẩm nhựa khi tiếp xúc với nhiệt hay hơi nước... sẽ tạo ra các chất cực kỳ độc hại cho hệ hô hấp của người và động vật. Các rủi ro xuất phát từ môi trường tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất cũng như vận hành của Công ty nhưng nó lại là yếu tố gián tiếp tác động đến sản lượng cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào trên thị trường. Do đó, tính về lâu dài thì môi trường luôn là yếu tố được quan tâm hơn cả, đáp ứng các tiêu chí đặt ra về môi trường của cả xã hội cũng như yêu cầu đặt ra của Chính phủ sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho Công ty trong hoạt động về sau.

## Rủ ro khác

Các yếu tố bất thường hay những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như cháy nổ, hỏa hoạn...







# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

- //// Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- //// Tổ chức và nhân sự
- //// Tình hình đầu tư
- //// Tình hình tài chính
- //// Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH
- //// Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội



# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Thông tin ngành



Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, Nhựa là ngành công nghiệp còn khá non trẻ so với những ngành công nghiệp khác như cơ khí, điện – điện tử, dệt may... nhưng đây lại là ngành có tốc độ tăng trưởng rất mạnh mẽ. Chỉ riêng trong giai đoạn 2010 – 2015, ngành Nhựa đã vươn lên là một trong những ngành công nghiệp có tăng trưởng cao nhất của Việt Nam, với mức tăng hàng năm từ 16% - 18% (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), có những mặt hàng tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%/năm. Điều này cũng xuất phát từ chính đặc điểm của thị trường nội địa nước nhà khi ngành Nhựa mới chỉ ở bước đầu phát triển so với thế giới do đó còn nhiều tiềm năng chưa khai thác hết cùng với sự thiết yếu của các sản phẩm ngành Nhựa trong tất cả các lĩnh vực đời sống thường ngày của người dân. Nhằm phát triển một ngành công nghiệp nhựa vững mạnh, năm 2011 Chính phủ Việt Nam đã thông qua kế hoạch phát triển ngành công nghiệp Nhựa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025 đã được sự chấp thuận của Bộ Công nghiệp và Thương mại. Theo kế hoạch này, mục tiêu ngành Nhựa Việt Nam sẽ đạt giá trị sản xuất công nghiệp 78.5 nghìn tỷ đồng vào năm 2015 và 181.57 nghìn tỷ đồng vào năm 2020. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trong giai đoạn 2011 – 2020 theo kế hoạch được duyệt sẽ ở mức 17.5%/năm, ngành công nghiệp nhựa sẽ chiếm 5.5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2020. Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm nhựa sẽ đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm là 15% để đạt 2.15 tỷ USD vào năm 2015 và 4.3 tỷ USD vào năm 2020.

Hiện nay các sản phẩm ngành Nhựa của Việt Nam đang có mặt tại gần 160 nước với kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa tăng khá mạnh qua các năm điển hình là từ 1,2 tỷ USD vào 2012 tăng gấp đôi lên 2,4 tỷ USD vào 2015. Từ đó đưa sản phẩm ra rộng hơn với thị trường quốc tế như Nhật Bản, Mỹ, một số quốc gia thuộc khu vực châu Âu và ASEAN,... Nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu từ nước ngoài do ngành Hóa dầu trong nước chưa phát triển và áp lực đến từ các Hiệp định thương mại tự do sẽ là các khó khăn chính mà ngành Nhựa trong nước phải đối mặt trong thời gian tới.

## Các chỉ tiêu kinh doanh chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2017/2016 (%)
Doanh thu thuần	đồng	700,071,028,123	763,322,374,110	109.03%
Giá vốn hàng bán	đồng	621,962,349,630	682,913,881,714	109.80%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	33,275,906,032	34,215,824,857	102.82%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	26,435,571,637	26,811,349,918	101.42%

Năm 2017 nền kinh tế đánh dấu sự khởi sắc trở lại với sự tăng trưởng mạnh mẽ vào nửa cuối năm tuy nhiên vẫn còn tồn đọng nhiều thách thức và khó khăn với Việt Nam nói chung và các Doanh nghiệp nói riêng. Với Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh. Năm 2017 có ghi nhận sự tăng trưởng cả về doanh thu lẫn lợi nhuận trong đó:

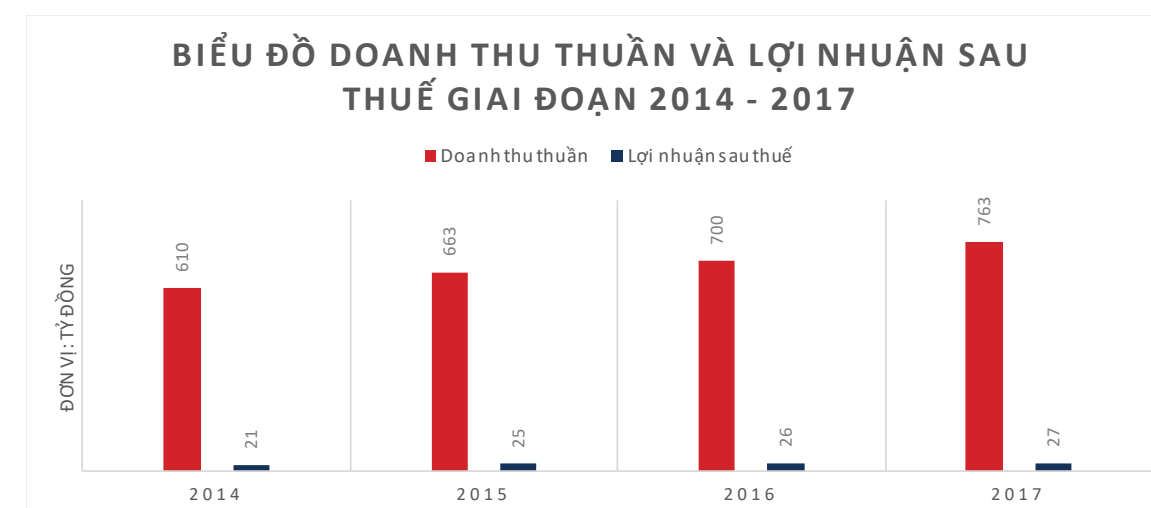
- Doanh thu thuần đạt hơn 763 tỷ đồng tăng 9.03% so với năm 2016 tuy nhiên giá vốn hàng bán chiếm đến 90% lượng Doanh thu đạt được trong năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế năm 2017 lần lượt đạt 34 tỷ đồng và 27 tỷ đồng tương ứng tăng 2.82% và 1.42% so với năm 2016 nhưng cả 2 mức tăng này lại đều thấp hơn so với mức tăng trung bình từ 2015 – 2017 là 7.62% và 7.98%.

## Các chỉ tiêu so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Doanh thu thuần	đồng	701,835,200,000	763,322,374,110	108.76%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	24,800,372,334	26,811,349,918	108.11%

Kết thúc năm 2017, Doanh thu thuần đạt 763,322,374,110 đồng vượt 108.76% so với kế hoạch đề ra trong khi đó Lợi nhuận sau thuế đạt 26,811,349,918 đồng vượt 108.11% so với kế hoạch đề ra.



Năm 2017 Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ghi nhận sự tăng trưởng trong cả Doanh thu lẫn Lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đã đề ra. Dẫn đến sự thành công này không thể không kể đến bộ máy lãnh đạo Công ty với định hướng đúng đắn, bám sát mục tiêu đã định, phối hợp hiệu quả với đội ngũ cán bộ công nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo, cống hiến hết mình đóng góp sức lực vào sự phát triển của Công ty. Mặc dù thị trường ngành ngày càng cạnh tranh khốc liệt gây ảnh hưởng không nhỏ cho doanh nghiệp cũng như ngành Nhựa nhưng nhờ tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư các sản phẩm công nghệ, máy móc kết hợp với tay nghề nhân công cao đã đưa sản phẩm của công ty đến gần hơn với khách hàng, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.



### Ông PHAN TRÍ NGHĨA Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh:	18/06/1974
Nơi sinh:	Xã Đức Dũng - Huyện Đức Thọ - Tỉnh H.Tĩnh
Số CMND:	186540254, cấp ngày 07/01/2013, nơi cấp: CA - Nghệ An
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký HKTT:	Phường Hà Huy Tập - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
1997-10/1998	Nhân viên thị trường Sở xây dựng Hà Tĩnh
11/1998 -05/2004	Trưởng ban định mức tiền lương Công ty HKT - QK4; UVHĐQT – CTCP Nhựa Bao bì Vinh
06/2004 - 01/2008	Phó phòng tổ chức LĐTL Công ty HKT - QK4, Chủ tịch HĐQT - CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
07/2008 - 31/12/2015	Tổng giám đốc, UVHĐQT CTCP CN cao su COECCO, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
01/01/2016 - 20/03/2016	Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh, UVHĐQT CTCP CN Cao su COECCO
20/03/2016 - 24/04/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách)
25/04/2016 - 01/09/2016	Quản số thuộc phòng chính trị Công ty HKT - QK4
02/09/2016-21/04/2017	P. Giám đốc Công ty, Giám đốc nhà máy số 2 Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh
22/4/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh

### Ông CAO XUÂN VINH Thành viên HĐQT

Ngày sinh:	17/06/1969
Nơi sinh:	Xã Lĩnh Sơn - Huyện Anh Sơn - T. Nghệ An
Số CMND:	14A951041355, cấp ngày 01/07/2002, nơi cấp Quân Khu 4
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký HKTT:	Xã Hưng Lộc - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
2002 - 2005	P. Chủ tịch Công đoàn cơ sở Tổng Công ty HKT
2005 - nay	Bí thư Đảng ủy - P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao bì Vinh

### Bà PHẠM NGUYỆT MINH Thành viên HĐQT

Ngày sinh:	07/03/1980
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	012097123, cấp ngày 08/06/2007, nơi cấp CA Hà Nội
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký HKTT:	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kế toán
Quá trình công tác:	
2003 - 2007	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 - nay	Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
04/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

### Ông LÊ XUÂN THỌ Thành viên HĐQT

Ngày sinh:	20/02/1978
Nơi sinh:	Xã Đức Nhân - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh
Số CMND:	187667079, ngày cấp: 19/06/2017, nơi cấp: Công an Nghệ An
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký HKTT:	Phường Hưng Dũng - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2002 - 2004	Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2005 - 2007	Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2007 - 2013	Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh
2013 - 2017	P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
7/2017 - nay	Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh

### Ông NGUYỄN HỮU LONG Thành viên HĐQT

Ngày sinh:	06/03/1976
Nơi sinh:	Thanh Nam – Thanh Chương – Nghệ An
Số CMND:	011759059, ngày cấp: 06/04/2007, nơi cấp: Công an Hà Nội
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký HKTT:	P12.9 A4 - Làng Quốc tế Thăng Long - Dịch Vọng - Cầu Giấy – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:	
1996 - 1998	Cán bộ kinh doanh Công ty phát triển tin học Hà Nội
1998 - 2002	Trưởng nhóm kinh doanh Công ty máy tính CMC
2002-2007	Tổng giám đốc Công ty máy tính Gia Long Digital
07/2017 - nay	Tổng giám đốc CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
02/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

## Ông LÊ XUÂN THỌ

### Giám đốc

Đã trình bày ở trên

## Ông CAO XUÂN VINH

### Phó Giám đốc

Đã trình bày ở trên

## Ông PHAN VĂN TOÀN

### Kế toán trưởng

Ngày sinh: 30/01/1978  
Nơi sinh: Đồng Hới - Quảng Bình  
Số CMND: 194227883, ngày cấp: 22/04/2016, nơi cấp: CA Quảng Bình  
Dân tộc: Kinh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Nơi đăng ký HKTT: Đức Sơn, Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội  
Quá trình công tác:  
2002 - 2003 Kế toán tổng hợp CT Xây lắp - Tổng Công ty HTKT  
2003 - 2016 Kế toán trưởng CT TNHH MTV khoáng sản COECCO - Tổng Công ty HTKT  
3/2017 - nay Kế toán trưởng CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Ông TRẦN NGỌC SÂM

### Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 20/06/1969  
Nơi sinh: Xã Thọ Diên - Huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa  
Số CMND: 187698703, ngày cấp: 07/01/2015, nơi cấp: Công an Nghệ An  
Dân tộc: Kinh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Nơi đăng ký HKTT: Phường Trung Đô - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính  
Quá trình công tác:  
1997 - 2006 Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vinh  
2007 - 2009 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào  
2010 - 2011 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn  
2012 - 2013 Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4  
2014 - 2016 Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO  
2017 - nay Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Ông ĐINH XUÂN CƯỜNG

### Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 30/08/1976  
Nơi sinh: Hoa Lư - Ninh Bình  
Số CMND: 011976518, ngày cấp: 6/6/2008, nơi cấp: CA Hà Nội  
Dân tộc: Kinh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Nơi đăng ký HKTT: 31/115, Trần Cung, Hà Nội  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ  
Quá trình công tác:  
2003 - 2006 Trader of Calyon Corporate & Investment Bank, Paris  
2007 - 2010 Phó Tổng giám đốc INB Investment, Việt Nam  
2011 Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Ocean  
07/2017 - nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An Phát Holdings  
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh  
02/2018 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát  
7/2017 - nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh

## Ông TẠ QUANG MẠNH

### Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 30/03/1976  
Nơi sinh: Xã Kim Thư - Thanh Oai - Hà Nội  
Số CMND: 111314049, ngày cấp: 27/08/1994, nơi cấp: CA Hà Tây  
Dân tộc: Kinh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Nơi đăng ký HKTT: Phường Trung Đô - TP. Vinh - T. Nghệ An  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính  
Quá trình công tác:  
03/1999 - 10/2000 Kế toán trưởng Xí nghiệp SXVLXD Hồng Lam - Tổng Công ty HTKT  
11/2010 - 03/2006 Trợ lý Kế toán tổng hợp Phòng Tài Chính Tổng Công ty HTKT  
04/2006 - 12/2007 Kế toán trưởng Công ty Phát triển miền núi - Tổng Công ty HTKT  
01/2008 - 06/2009 Trợ lý Ban kiểm soát - BKS Tổng Công ty HTKT  
07/2009 - 12/2017 Phó Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty HTKT  
01/2018 - nay Kế toán trưởng Tổng Công ty HTKT

## Những thay đổi trong ban điều hành năm 2017

Nghị quyết số 61/NQ - ĐHCĐBT ngày 21/07/2017 của Đại hội đồng cổ đông bất thường:  
- Bầu ông Lê Xuân Thọ và ông Nguyễn Hữu Long vào thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018  
- Bầu ông Tạ Quang Mạnh và ông Đinh Xuân Cường vào thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018

### Thống kê lao động

STT	Tiêu chí	Năm 2016		Năm 2017	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>					
1	Trình độ kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật	50	8.0%	54	5.0%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	110	17.5%	122	11.2%
3	Trình độ công nhân	467	74.5%	914	83.9%
<b>II Theo đối tượng lao động</b>					
1	Lao động trực tiếp	467	74.48%	914	83.85%
2	Lao động gián tiếp	160	25.52%	176	16.15%
<b>III Theo giới tính</b>					
1	Nam	207	33.01%	363	33%
2	Nữ	420	66.99%	727	67%
<b>Tổng cộng</b>		<b>627</b>	<b>100%</b>	<b>1,090</b>	<b>100%</b>

### Chính sách đối với người lao động

**Lương thưởng:** Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số, hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



**Tuyển dụng:** Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... số lao động đó Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

**Đào tạo:** Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.  
- Trợ cấp: thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.



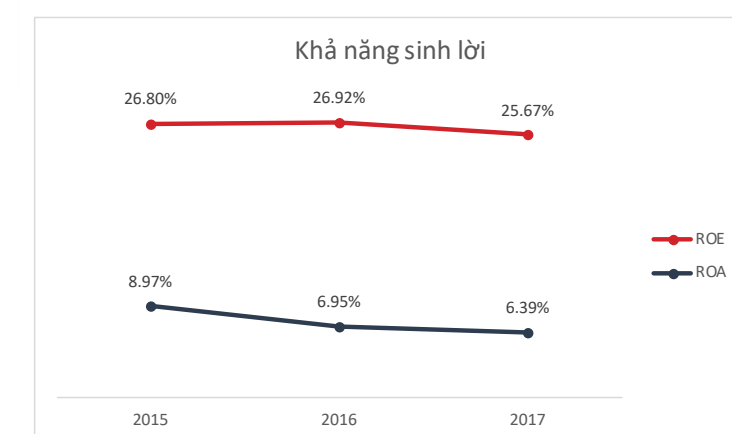
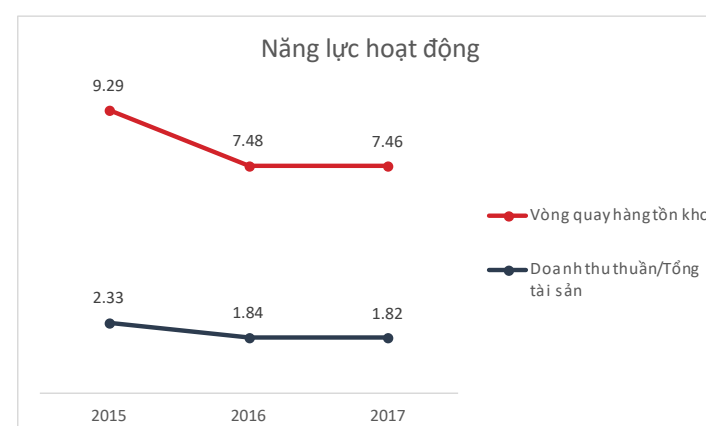
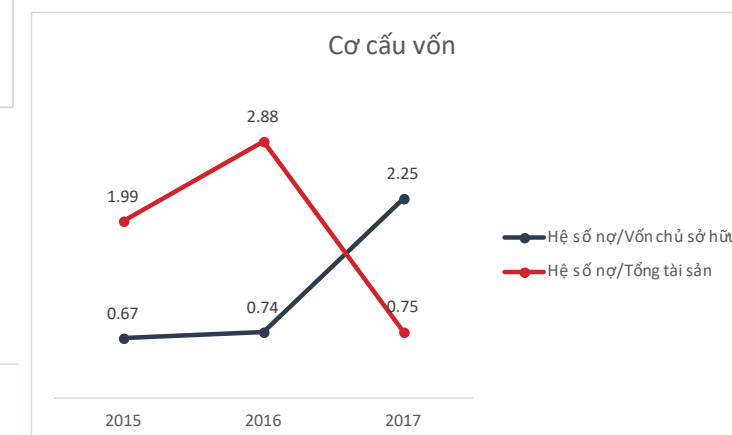
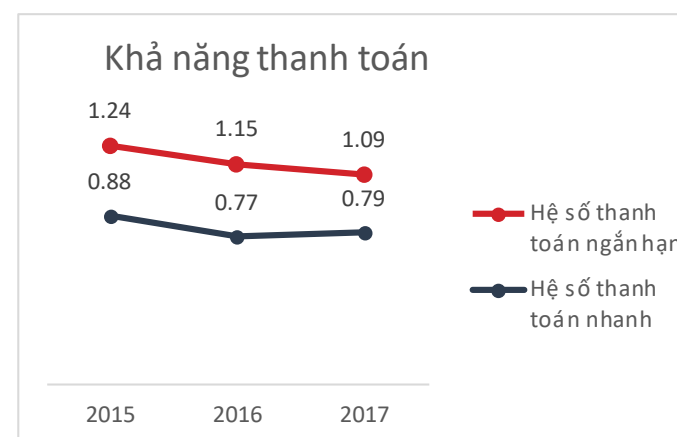
# Tình hình tài chính

## Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	đồng	337,198,530,597	400,070,582,228	18.65%
Doanh thu thuần	đồng	700,071,028,123	763,322,374,110	9.03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	33,405,273,078	34,154,753,470	2.24%
Lợi nhuận khác	đồng	(129,367,046)	61,071,387	-147.21%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	33,275,906,032	34,215,824,857	2.82%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	26,435,571,637	26,811,349,918	1.42%

## Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	Tăng/giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.15	1.09	-0.05%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.77	0.79	0.03%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	0.74	0.75	0.02
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	2.88	3.02	0.05
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7.48	7.46	0.00
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1.84	1.82	-0.01
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3.78%	3.51%	-7.08%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	26.92%	25.67%	-4.65%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	6.95%	6.39%	-8.13%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	4.77%	4.47%	-6.20%



# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu



## Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh đã phát hành 7,499,972 cổ phiếu. Trong đó:

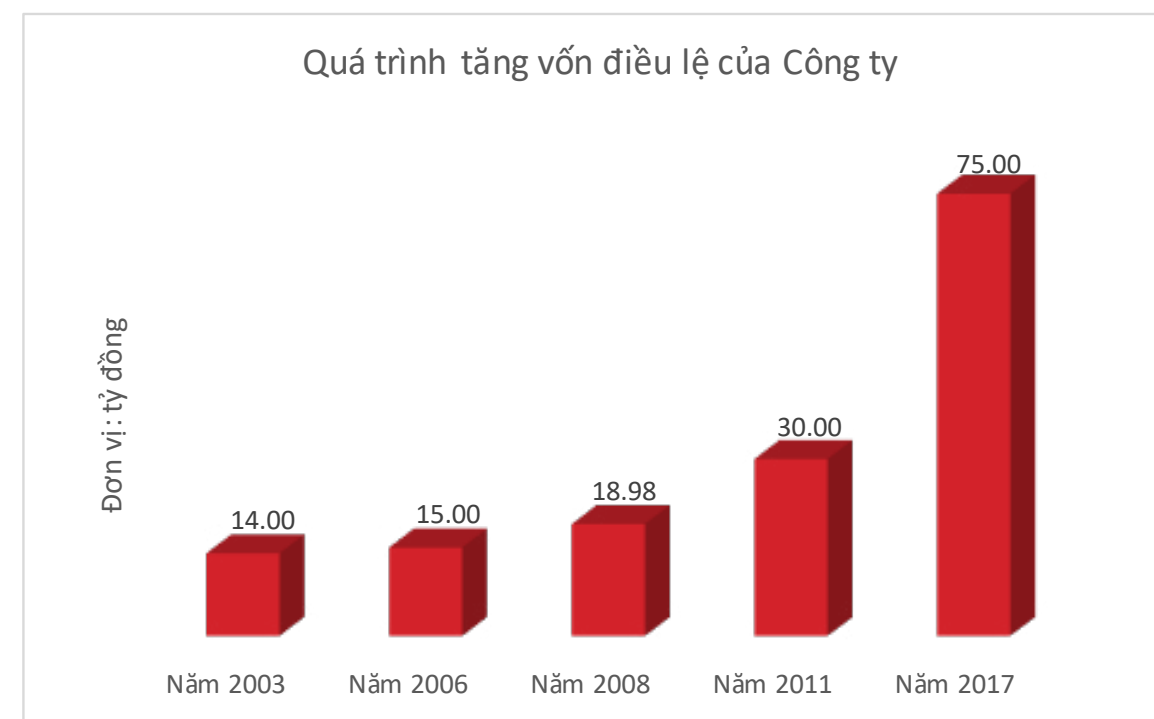
- Số cổ phổ thông: 7,499,972 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 7,499,960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 12 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

## Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty hợp tác kinh tế	Số 187 Lê Duẩn - Thành phố Vinh - Nghệ An	3,821,932	50.96%
Công ty cổ phần An Phát Holdings	Lô 11 + 12, KCN An Đông, Nam Sách, Hải Dương, Việt Nam	1,840,219	24.54%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

- 2003** Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2003 với số vốn điều lệ là 14,000,000,000 đồng.
- 2006** Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu 100,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 14,000,000,000 đồng lên 15,000,000,000 đồng.
- 2008** Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu 398,364 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15,000,000,000 đồng lên 18,983,640,000 đồng.
- 2011** Công ty niêm yết bổ sung 1,101,625 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 29,999,890,000 đồng.
- 2017** Công ty niêm yết bổ sung 4,499,983 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 74,999,720,000 đồng.



## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu lẻ được mua lại thành cổ phiếu quỹ trong năm 2017 là 12 cổ phiếu. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ. Nguồn để mua lại cổ phiếu quỹ là nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2016 trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh.



# Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển của xã hội, ngành công nghiệp Nhựa ngày càng gia tăng nhanh chóng không chỉ về sản lượng sản xuất mà còn nâng cao cả về chất lượng. Đây là ngành công nghiệp tiêu biểu cho hoạt động sản xuất trong nước, thu hút một lượng lớn lao động. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành nhựa cũng kéo theo các hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường và hướng tới cộng đồng là nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh luôn không ngừng tuân thủ các yêu cầu khắt khe, các quy định xử lý cả trong và sau sản xuất đáp ứng sản phẩm đầu ra chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

## Nguyên vật liệu

Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

## Nước

Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty sử dụng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường.

## Điện

Công ty luôn chú trọng vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

## Chính sách đối với người lao động

Công ty đảm bảo chế độ lương, thưởng hợp lý đối với từng cán bộ công nhân viên tùy theo loại hình công việc và đối tượng lao động, có phụ cấp hay đặc biệt là thưởng lễ, tết cho công nhân viên.

Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đều được đóng đầy đủ các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp

Khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động

Duy trì chế độ ăn theo ca, bảo đảm định lượng tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm

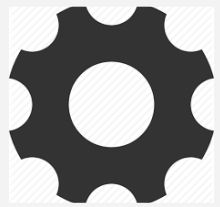
Thực hiện đào tạo và tái đào tạo cho nhân viên đảm bảo được chuyên môn và quy trình tác nghiệp

Tổ chức tập huấn, tuân thủ các quy định về Công tác an toàn, bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy

Chăm lo tinh thần đời sống người lao động qua các hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao...







# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- /// Đặc điểm tình hình
- /// Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017
- /// Tình hình tài chính năm 2017
- /// Đánh giá chung
- /// Kế hoạch hoạt động năm 2017

# Đặc điểm tình hình

## Thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Ông Lê Xuân Thọ</b>	Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	950,000	24.86 %
2	<b>Ông Cao Xuân Vinh</b>	Phó Giám đốc	750,000	19.62%
3	<b>Ông Phan Văn Toàn</b>	Kế toán trưởng	486,000	12.72

Sơ yếu lý lịch: đã nêu ở trên

## Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2017

Năm 2017 Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường vô bao xi măng dần bị thu hẹp do: Một số nhà máy xi măng xây dựng nhà máy bao bì tự bao tiêu sản phẩm; thị trường chuyển dần sang sử dụng xi măng rời; nhiều nhà máy xi măng chuyển dần sang dùng bao dán dày 1 lớp để giảm chi phí; chính sách của nhà nước thay đổi như áp thuế xuất khẩu xi măng lên 5%,... đã làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của đơn vị. Thị trường bao Jambo, Sling đang từng bước tiếp cận thị trường, lượng lao động phục vụ may bao Jambo, Sling nhiều nên công ty phải tuyển dụng và đào tạo thêm lao động, đẩy nhanh năng suất nhằm hạ giá thành, cạnh tranh được với thị trường trong và ngoài nước.



Tình hình nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục. Giá hạt nhựa, giá giấy... là những nguyên liệu chính cho sản xuất biến động tăng liên tục các tháng trong năm. Cuối năm lượng hàng lại khan hiếm do Trung quốc thu mua hết hàng.

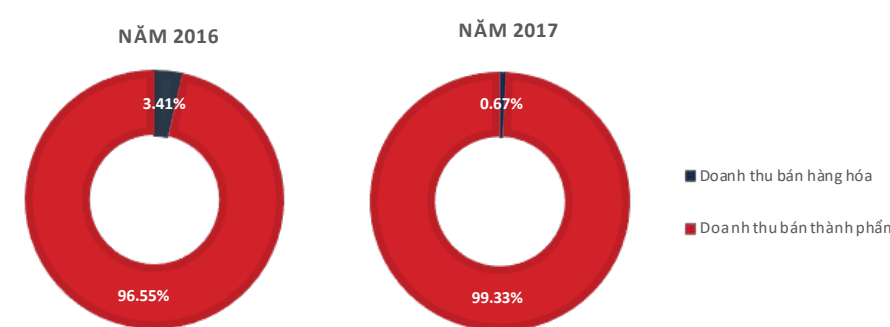
Trong năm 2017 tổ chức biên chế, nhân sự chủ chốt có nhiều thay đổi đã phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành của công ty.

Tuy nhiên được sự quan tâm điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc nên công tác thị trường và quản lý điều hành sản xuất dần ổn định và phát huy có hiệu quả. Chất lượng sản phẩm được duy trì, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt kế hoạch đặt ra.

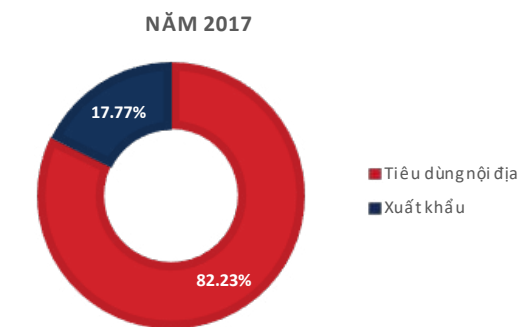
# Đánh giá hoạt động SXKD năm 2017

## Kết quả sản xuất kinh doanh

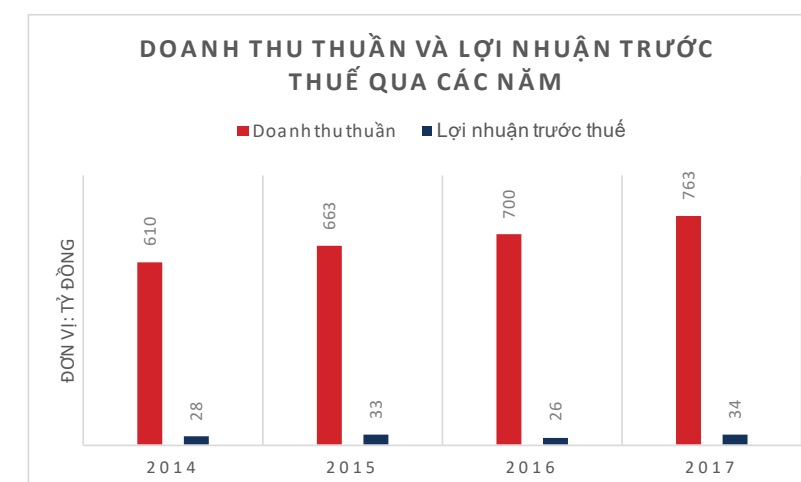
### Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm



### Cơ cấu doanh thu theo khu vực



Năm 2016, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu bán thành phẩm, chiếm tới hơn 96% trong cơ cấu doanh thu. Sang năm 2017, doanh thu theo thành phẩm vẫn tiếp tục ưu thế của mình và chiếm đến 99% trong khi đó doanh thu tiêu dùng nội địa cũng khẳng định lợi thế với hơn 80% trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp



Năm 2017 đánh dấu sự thành công của nền kinh tế với mức GDP cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây. Cùng với sự phát triển này, trong năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ghi nhận kết quả tương đối khả quan. Doanh thu thuần đạt hơn 763 tỷ đồng, tăng 1.09 lần so với năm 2016 và là mức cao nhất từ năm 2014 trở lại đây. Trong khi đó, Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 34 tỷ đồng, tăng 1.3 lần so với 2016 dù sau cùng Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt được chỉ gần 27 tỷ đồng, tăng 1.01 lần so với năm 2016. Nhờ kết quả kinh doanh khả quan mà trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành và vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2017	Thực hiện		Tăng trưởng %	
			2017	2016	So với KH	So với 2016
Doanh thu thuần	đồng	701,835,200,000	763,322,374,110	700,071,028,123	8.76%	9.03%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	24,800,372,370	26,811,349,918	26,435,571,637	8.11%	1.42%
Cổ tức	đồng	11,999,956,000	14,999,944,000	(20,999,923,000)	25.00%	-171.43%

Trong năm 2017 các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt so với kế hoạch năm đặt ra. Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế năm 2017 lần lượt đạt 763 tỷ đồng và 27 tỷ đồng tương ứng tăng 8.76% và 8.11% so với kế hoạch đề ra năm trước. Các máy móc đã đầu tư phát huy công suất, nâng doanh thu, lợi nhuận và tạo công ăn việc làm cho người lao động. So với năm 2016 thị trường xuất khẩu đã được mở rộng góp phần nâng doanh thu của toàn công ty đồng thời bù đắp những thiếu hụt do thị trường bao xi măng bị sụt giảm. Đạt được thành công này không thể không kể đến sự nỗ lực của Ban lãnh đạo doanh nghiệp trong điều hành lẫn đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm đã không ngừng phấn đấu trong việc cải tiến bộ máy sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, giúp hạn chế chi phí nhân công, tối thiểu hóa thời gian sản xuất mà cũng tối đa được sản lượng sản xuất nhất có thể.

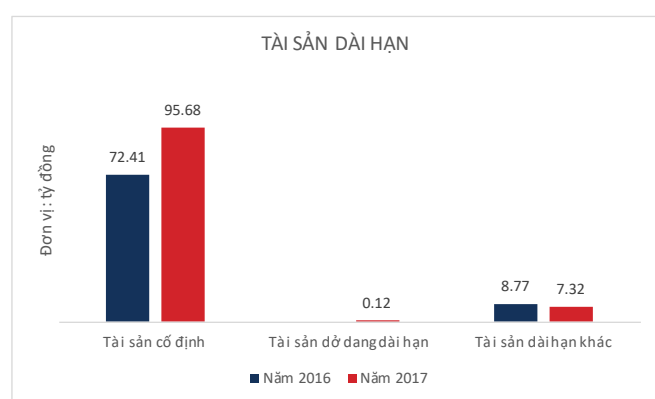
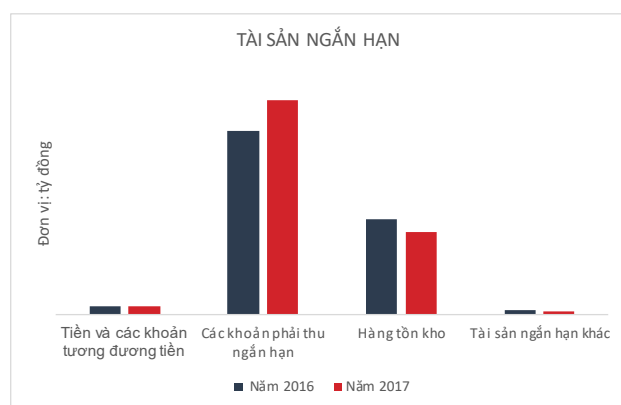
# Tình hình tài chính năm 2017

## Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		2017/2016 (%)
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	299,053,066,982	78.65%	316,785,092,510	75.44%	5.93%
B. Tài sản dài hạn	81,178,683,465	21.35%	103,124,321,499	24.56%	27.03%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>380,231,750,447</b>	<b>100%</b>	<b>419,909,414,009</b>	<b>100%</b>	<b>10.44%</b>

Năm 2017, Tổng tài sản tăng 10.44% so với năm 2016, đạt xấp xỉ 420 tỷ đồng. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 5.93% đạt gần 317 tỷ đồng và Tài sản dài hạn tăng 27.03% đạt 103 tỷ đồng.

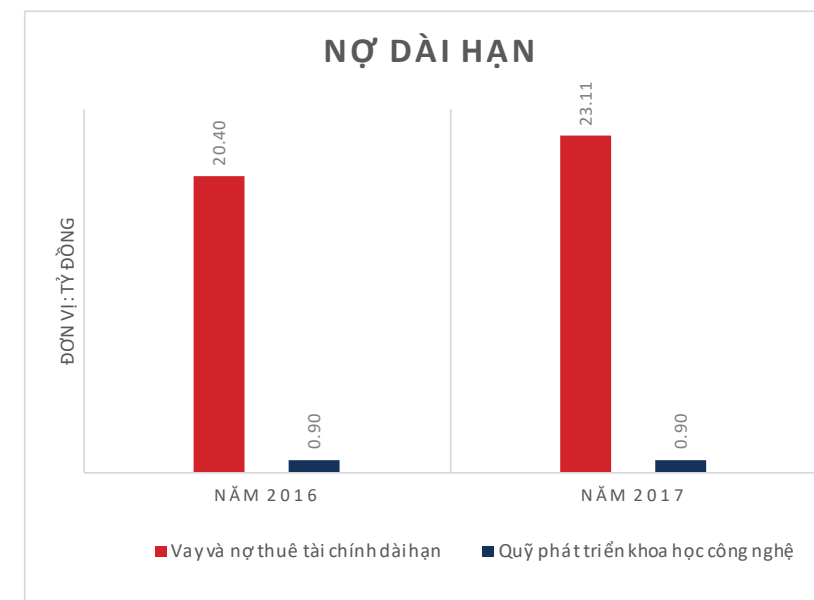
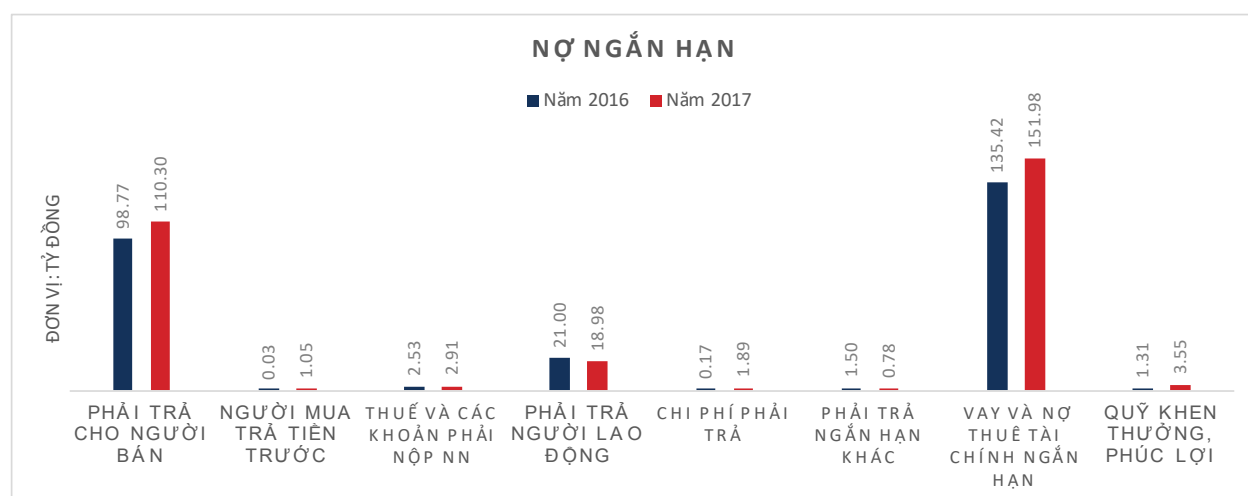
Cơ cấu tài sản có sự thay đổi không đáng kể, Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm phần lớn Tổng tài sản, chiếm đến 75.44% trong khi Tài sản dài hạn chiếm 24.56%.



## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		2017/2016 (%)
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	260,724,501,719	92.45%	291,450,675,963	92.39%	111.78%
B. Nợ dài hạn	21,301,173,009	7.55%	24,009,377,409	7.61%	112.71%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>282,025,674,728</b>	<b>100%</b>	<b>315,460,053,372</b>	<b>100%</b>	<b>111.86%</b>

Trong năm 2017, Tổng tài sản tăng dẫn tới nợ phải trả cũng tăng đến 11.86% so với năm 2016, đạt mức 315 tỷ đồng. Về cơ cấu nợ phải trả, trong năm 2017, Công ty phát sinh các khoản nợ dài hạn ở mức 24 tỷ đồng, tăng 12.71% so với năm 2016 tuy nhiên nợ ngắn hạn vẫn chiếm phần lớn trong nợ phải trả với 92.39% vào năm 2017.



## Đánh giá chung

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 có khởi sắc giúp uy tín và thương hiệu của công ty trên địa bàn trong nước và thế giới. Ngoài ra với vị thế một đơn vị đã hoạt động lâu năm trong ngành bao bì nên góp phần tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh được với các đơn vị trên địa bàn.

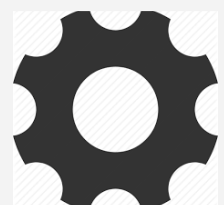
Tuy nhiên nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục; thị trường bao xi măng bị thu hẹp do các nhà máy tự bao tiêu sản phẩm; Bộ máy điều hành có sự thay đổi... Năm 2017 là năm có nhiều thay đổi về cơ cấu và bộ máy điều hành. HĐQT, BGĐ và các phòng ban có nhiều thay đổi. Chủ tịch HĐQT, TB Kiểm soát chuyên trách không kiêm nhiệm như trước đây; Giám đốc và KTT thay đổi do Giám đốc cũ về hưu theo chế độ và KTT điều chuyển theo thông tư của Bộ quốc phòng; Phòng tổng hợp được tách thành Phòng kế hoạch, Phòng thị trường, Phòng Công nghệ - Kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và mô hình mở rộng của công ty.

## Kế hoạch hoạt động trong năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
Doanh thu thuần	Đồng	750.800.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	25.621.149.645
Cổ tức	Đồng	11.999.840.000
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,41

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 trên tất cả các phương diện, phát triển Công ty vững mạnh, toàn diện, Đảng bộ trong sạch vững mạnh.





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- //// Đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty năm 2017
- //// Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
- //// Kế hoạch nhiệm vụ năm 2018



# Đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty năm 2017



Năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh hoạt động trong điều kiện nền kinh tế thế giới phát triển ổn định, kinh tế Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng vào các tổ chức Thương mại trong khu vực và Quốc tế. Lạm phát tương đối ổn định, lãi vay ngân hàng vẫn duy trì ở mức tương đối cao; cạnh tranh về lao động giữa các doanh nghiệp ngày càng lớn. Tiền lương tối thiểu, chi phí BHXH, BHYT do nhà nước quy định tăng đều hàng năm....các yếu tố trên đó tác động đến giá thành sản phẩm và hiệu quả của công ty.

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào của ngành sản xuất bao bì biến động thường xuyên. Ngành xây lắp xây dựng bị hạn chế về đầu tư công nên mặt hàng xi măng thiêu thụ chậm. Mặt hàng xi măng xuất khẩu chịu thuế xuất ở mức cao nên hạn chế xuất khẩu. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành sản xuất bao bì để tăng thị phần diễn ra rất gay gắt.

Trong nhiệm kỳ qua Công ty sản xuất tăng trưởng hàng năm với các chỉ số tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Công ty đã đầu tư hàng năm để đáp ứng nhu cầu thị trường, đến nay công ty đã đầu tư sản xuất đồng bộ cho 3 nhà máy (nhà máy 1; nhà máy 2; nhà máy 3) đảm bảo được yêu cầu của khách hàng với năng lực sản xuất đạt trên 765 tỷ đồng/năm.

Công tác thị trường và chất lượng sản phẩm được Công ty đặc biệt quan tâm, hiện nay công ty tập trung phát triển mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các dòng sản phẩm bao PP, OPP, jambo, sling.

Công tác kỹ thuật, công nghệ, kiểm soát chất lượng, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật được duy trì chặt chẽ và hiệu quả do đó chất lượng sản phẩm về cơ bản đảm ứng được yêu cầu của người dùng; ưu tiên cải tiến công nghệ, tăng năng suất lao động giảm giá thành sản phẩm để sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

Thị phần của công ty ngày càng được mở rộng và phát triển trên thị trường.

Ngoài ra luôn đảm bảo việc làm cho người lao động, bố trí sắp xếp lao động hợp lý, không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, thưởng, ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại, BHXH, BHYT, chế độ hợp đồng...đối với người lao động theo pháp luật quy định và quy chế của công ty.

Các hoạt động về công tác Đảng, Đoàn, thanh niên, phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả từ đó tạo ra nét văn hóa riêng của công ty.

Tổ chức biên chế, nhân sự chủ chốt trong năm 2017 có nhiều thay đổi đã phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành của công ty. Tuy nhiên nhờ sự đồng lòng từ ban quản trị cho tới cán bộ công nhân viên nên công tác thị trường và quản lý điều hành sản xuất dần ổn định và phát huy có hiệu quả. Chất lượng sản phẩm được duy trì, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt kế hoạch đặt ra. Trong đó Doanh thu thuần đạt hơn 763 tỷ đồng vượt kế hoạch 8.76% dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng tăng 8.11% so với kế hoạch và đạt gần 27 tỷ đồng vào cuối năm 2017.

## Kết quả đạt được trong năm 2017

- Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông Hàng năm đã đề ra theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được ghi tại điều lệ.
- Hội đồng quản trị công ty họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và bàn các biện pháp thực hiện của quý sau phù hợp với tình hình của Công ty để giao giám đốc thực hiện. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhau trong quá trình thực hiện và triển khai nhiệm vụ các cuộc họp của hội đồng quản trị đảm bảo kịp thời, đúng luật, dân chủ.
- Tạo cơ chế trong việc giám sát điều hành các hoạt động của Giám đốc và người quản lý công ty đảm bảo thông thoáng, linh hoạt, đúng pháp luật nhưng đạt hiệu quả cao.

## Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị ghi nhận những đóng góp và đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt khi vốn điều lệ năm 2017 mới tăng lên gần 75 tỷ đồng làm áp lực đặt Ban điều hành là rất lớn, đòi hỏi Ban Giám đốc cần cố gắng hết mình để đạt được sự kỳ vọng của Ban quản trị cũng như là các cổ đông và đội ngũ cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng hết sức tin tưởng vào đội ngũ quản lý cũng như cán bộ công nhân viên ngày một đưa Công ty đi lên. Cụ thể, trong năm 2017, Ban Giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà Hội đồng quản trị đã đề ra theo đúng định hướng đưa ra ban đầu một cách nhanh chóng và có hiệu quả.
- Trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo đúng Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Báo cáo trung thực hoạt động của Ban điều hành và của toàn Công ty cho Hội đồng quản trị
- Công bố thông tin công khai, minh bạch, chính xác và kịp thời.

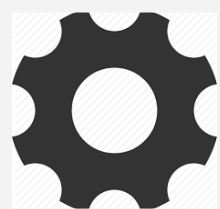
## Kế hoạch năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2022

- Duy trì thường xuyên liên tục chế độ họp theo định kỳ.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy quản lý công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm đã đưa ra.
- Tiếp tục mở rộng đầu tư khi có cơ hội. Mở rộng cơ cấu sản phẩm cùng ngành nghề, tìm kiếm sản phẩm mới để tiến tới tăng thị phần doanh thu so với bao xi măng hiện tại.
- Thường xuyên bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ đảm bảo việc quản lý điều hành các hoạt động của Công ty thực sự có hiệu quả cao.
- Mục tiêu hàng năm:

### KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2018 - 2022

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	75	75	100	100	120
Doanh thu và TN khác (tỷ đồng)	800	880	968	1,065	1,171
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	32	40	44	48	53
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	24.96	30.89	33.98	37.37	41.11
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3,328	4,118	3,398	3,737	3,426
Cổ tức (%)	20	20	20	20	20
TN bình quân (đ/ng/th)	7,900,000	8,295,000	8,709,750	9,145,238	9,602,449





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- //// Hội đồng quản trị
- //// Ban Kiểm soát
- //// Lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2017
- //// Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người liên quan và cổ đông lớn





# Hội đồng quản trị

## Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Ông Phan Trí Nghĩa</b>	CT HĐQT	1,150,000	30.09 %
2	<b>Ông Cao Xuân Vinh</b>	TV HĐQT	750,000	19.62%
3	<b>Bà Phạm Nguyệt Minh</b>	TV HĐQT	-	-
4	<b>Ông Lê Xuân Thọ</b>	TV HĐQT	950,000	24.86 %
5	<b>Ông Nguyễn Hữu Long</b>	TV HĐQT	-	-

Sơ yếu lý lịch: đã nêu ở trên

## Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

HĐQT đã triệu tập ĐHCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2017 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo.

Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	<b>Ông Phan Trí Nghĩa</b>	CT HĐQT	11	100%	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017
2	<b>Ông Cao Xuân Vinh</b>	TV HĐQT	11	100%	
3	<b>Bà Phạm Nguyệt Minh</b>	TV HĐQT	06	55%	Công tác
4	<b>Ông Lê Xuân Thọ</b>	TV HĐQT	05	100%	Bổ nhiệm ngày 21/07/2017
5	<b>Ông Nguyễn Hữu Long</b>	TV HĐQT	03	60%	Bổ nhiệm ngày 21/07/2017

## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	Số NQ/QĐ	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT2017	17/04/2017	- Thông qua Báo cáo tài chính 2016 (đã kiểm toán), Báo cáo tài chính quý I năm 2017 - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2017 - Thông qua Kế hoạch, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
2	02/NQ-HĐQT2017	23/04/2017	- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
3	03/NQ-HĐQT2017	25/04/2017	- Thông qua Phương án đầu tư thuê thêm mặt bằng mở rộng sản xuất tại KTT Gia Lách, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh - Thông qua Thành lập Ban quản lý Dự án
4	04/NQ-HĐQT2017	12/05/2017	- Định hướng công tác thị trường, công tác đảm bảo vốn, công tác thu hồi công nợ, công tác công nghệ chất lượng. - Thông qua Kiện toàn Bộ phận Công nghệ, chất lượng - Thông qua Kế hoạch đầu tư máy kéo sợi PP, máy kéo sợi Multi, máy dệt, máy khâu.
5	05/NQ-HĐQT2017	18/06/2017	- Thông qua miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Giám đốc công ty, Bổ nhiệm ông Lê Xuân Thọ làm giám đốc công ty thay ông Nguyễn Xuân Hải - Thông qua Kế hoạch bàn giao Giám đốc công ty.
6	06/NQ-HĐQT2017	19/06/2017	- Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 - Thông qua công bố thông tin phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo NQ ĐHCĐ 2017 - Định hướng công tác tuyển dụng lao động
7	61/NQ-ĐHCĐBT	21/07/2017	- Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động công ty năm 2017 - Thông qua mô hình biên chế và báo cáo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc công ty - Thông qua kế hoạch đầu tư thiết bị 2017 - Thông qua miễn nhiệm, bầu bổ sung HĐQT, BKS 2017
8	67/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Phân công trách nhiệm, quyền hạn các thành viên trong HĐQT từ ngày 25/07/2017.
9	68/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Thành lập hội đồng xét duyệt đầu tư.
10	69/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Thành lập hội đồng xét duyệt giá mua nguyên vật liệu.
11	71/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật công ty.
12	72/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Thành lập Ban thu hồi công nợ.
13	73/QĐ-HĐQT2017	25/07/2017	Thành lập Ban tuyển dụng, đào tạo lao động.
14	78/QĐ-HĐQT2017	28/07/2017	Thông qua danh mục đầu tư TSCĐ bổ sung năm 2017
15	469/NQHĐQT2017	10/08/2017	- Thông qua kế hoạch hoạt động tháng 08/2017 của HĐQT - Triển khai thực hiện điều lệ sau sửa đổi. - Thông qua cơ chế, quy trình hoạt động của Hội đồng giá, đầu tư, tuyển dụng và Ban thu hồi công nợ. - Thông qua chủ trương, định hướng tăng cường quản lý giá thành, ổn định và tăng năng lực sản xuất 3 nhà máy. - Thông qua biên chế các phòng ban, nhà máy và chức trách nhiệm vụ. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 8 của Công ty. - Thông qua kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT với ban điều hành 6 tháng đầu năm
16	534/NQ-HĐQT2017	06/09/2017	- Thông qua mức lương kế hoạch chức danh của các Phòng, Ban Công ty, nhà máy áp dụng từ 01/08/2017 - Thông qua chủ trương đầu tư mái nối giữa hai nhà máy và nâng cốt nền đường nội bộ
17	663/NQ-HĐQT2017	16/10/2017	- Thông qua quy chế HĐQT - Triển khai các nội dung chính phục vụ xây dựng kế hoạch 2018 - Thông qua kế hoạch hoạt động quý IV của HĐQT - Triển khai xây dựng các quy chế quản lý nội bộ - Triển khai một số nội dung quản lý, điều hành công ty
18	804/NQ-HĐQT2017	16/12/2017	- Thông qua quy chế công bố thông tin của Công ty. - Hủy bỏ quyết định số 02/QĐ ngày 28/02/2017 về việc xử lý xóa nợ đối với một số khoản nợ khó đòi.

## Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc/Ban điều hành

Thông qua Báo cáo Tài Chính và Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng/quý, 6 tháng, năm. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, công tác công nghệ chất lượng.

Thông qua phương án đầu tư mở rộng, kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị thay thế tăng năng lực sản xuất.

Bổ nhiệm Giám đốc điều hành, định hướng mô hình tổ chức biên chế. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### Những điểm làm được:

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp cùng với Ban Giám đốc xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

- Hoạt động quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Ban điều hành Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về Quản trị Công ty.

- Ban Giám đốc hàng quý đều gửi Báo cáo tài chính cho HĐQT để kịp thời có sự chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính kịp thời phục vụ cho các quyết định của ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị và đã đem lại kết quả kinh tế hiệu quả.

- Ngoài ra, thực hiện tốt các chính sách cho người lao động, các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

### Những điểm cần khắc phục:

- Công tác quản lý còn lỏng lẻo, chưa có sự thống nhất, chất lượng sản phẩm vẫn còn mắc một số lỗi chủ quan.

- Thực hiện công việc còn chậm trễ làm ảnh hưởng quá trình sản xuất kinh doanh.

## Hiệu quả tăng cường quản trị Công ty

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Quản trị tài chính - kế toán	Công ty thực hiện chế độ kế toán theo thông tư 200/TT-BTC và sử dụng phần mềm Cyber để hạch toán và quản lý chi phí
2	Quản trị nhân sự	Công ty có bộ phận quản lý nhân sự trực thuộc Phòng kế hoạch, theo dõi nhân sự trong toàn công ty và tính toán các khoản chế độ cho người lao động
3	Quản trị quan hệ khách hàng	Công ty có Phòng thị trường quản lý đầy đủ các khách hàng cả trong nước và ngoài nước thông qua hai ban gồm Ban xuất khẩu và Ban nội địa.
4	Hệ thống quản trị khác (Ví dụ: quản trị sản xuất, kho hàng...)	Hiện nay công ty đang xây dựng hệ thống phần mềm quản trị điều hành và theo dõi hoạt động sản xuất của toàn công ty

## Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)
1	<b>Ông Trần Ngọc Sâm</b>	Trưởng BKS	0
2	<b>Ông Tạ Quang Mạnh</b>	TV BKS	0
3	<b>Ông Đinh Xuân Cường</b>	TV BKS	0

Sơ yếu lý lịch: đã nêu ở trên

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	22/4/2017	BKS họp thống nhất bầu một thành viên BKS làm trưởng Ban kiểm soát;	3/3
2	Cuộc họp 2	21/8/2017	BKS họp thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và thống nhất phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban;	3/3
3	Cuộc họp 3	30/9/2017	BKS họp với HĐQT, BĐH, PTC Công ty nhằm đánh giá tình hình tài chính và công tác quản lý công nợ của Công ty và đề xuất kiến nghị.	3/3

## Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Bao bì Vinh được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, bao gồm 3 thành viên; trong đó Trưởng ban làm việc chuyên trách tại Công ty, các thành viên khác làm việc kiêm nhiệm. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm qua đã tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Năm 2017 Ban kiểm soát thực thi những hoạt động chủ yếu sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực thi các nhiệm vụ;

- Định kỳ kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác của các số liệu tài chính;

- Xem xét các Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do Ban điều hành thực hiện;

- Kiểm tra, xem xét trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, nội quy, quy chế quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, BGD và tham gia đóng góp ý kiến;

- Thực hiện một số công tác khác theo quy định của Luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.



# Ban kiểm soát

## Kết quả đánh giá, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung, số liệu của Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (“AISC”). Báo cáo phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Về kết quả kinh doanh

- DThu bán hàng & cung cấp dv: 763,322 tỷ đồng - đạt 108,8% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế: 34,216 tỷ đồng - đạt 110,4 % KH năm
- Lợi nhuận sau thuế: 26,811 tỷ đồng - đạt 108,1 % KH năm
- Thu nhập bình quân: 7.751.000 đ/ng/th - đạt 98,1 % KH năm
- Lãi cơ bản/cổ phiếu: 3.575đ/cp

Về tài sản và nguồn vốn

Tài sản	31-12-2017	31-12-2016
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>316,785,092,510</b>	<b>299,053,066,982</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	8,091,796,485	7,942,187,398
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	221,265,809,871	189,469,315,903
IV. Hàng tồn kho	85,214,481,900	97,943,333,084
V. Tài sản ngắn hạn khác	2,213,004,254	3,698,230,597
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>103,124,321,499</b>	<b>81,178,683,465</b>
II. Tài sản cố định	95,678,540,956	72,408,928,376
IV. Tài sản dở dang dài hạn	124,315,000	
VI. Tài sản dài hạn khác	7,321,465,543	8,769,755,089
<b>Tổng tài sản</b>	<b>419,909,414,009</b>	<b>380,231,750,447</b>
Nguồn vốn	31-12-2017	31-12-2016
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>315,460,053,372</b>	<b>282,025,674,728</b>
I. Nợ ngắn hạn	291,450,675,963	260,724,501,719
II. Nợ dài hạn	24,009,377,409	21,301,173,009
D. Vốn chủ sở hữu	104,449,360,637	98,206,075,719
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>419,909,414,009</b>	<b>380,231,750,447</b>

## Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp

Về tình hình tài chính: Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty ở mức an toàn; khả năng thanh toán nợ ngắn hạn >1 lần, thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty tương đối tốt; khả năng thanh toán nhanh <1 lần; công ty có gặp đôi chút khó khăn khi thanh khoản; tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH là 3,02 lần; khả năng sinh lời của công ty ở mức khá cao; lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.575 đ/cổ phiếu;

Công tác tài chính kế toán của Công ty hoạt động có nề nếp, chấp hành nghiêm nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán và những quy định của Pháp luật hiện hành; huy động vốn đảm bảo đầy đủ kịp thời cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, sử dụng vốn đúng mục đích; hệ thống chứng từ, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định



## Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và Ban Quản lý Công ty trong năm 2017

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ; được ban hành một cách kịp thời và đúng quy định.

Việc thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ: Trong năm mặc dù tình hình thị trường có nhiều khó khăn thách thức, nhưng với sự nhạy bén, năng động của HĐQT, BĐH trong công tác quản lý, đã phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản ổn định và phát triển bền vững, hiệu quả cao, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều vượt kế hoạch được giao. Công ty đã tổ chức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển theo đúng quy định. Hoàn thành chi trả cổ tức cho các cổ đông. Thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định của UBCK Nhà nước. Hoàn thành việc sắp xếp lại mô hình tổ chức, biên chế Công ty. Lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty Kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS theo đúng qui định; đảm bảo chế độ tiền lương và quyền lợi cho người lao động. Tổ chức soạn thảo và ban hành đầy đủ các nội quy, quy chế quản trị nội bộ đáp ứng nhu cầu quản lý. Các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

Về công tác đầu tư: Công ty đã thực hiện đầu tư bổ sung và thay thế một số máy móc, thiết bị, tăng năng lực sản xuất theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường; trị giá đầu tư tăng TSCĐ trong năm là 23,9 tỷ đồng/KH được duyệt 29,18 tỷ đồng, còn một số máy móc thiết bị Công ty chưa đầu tư chuyển sang năm 2018.

Một số điểm tồn tại: Công tác thu hồi công nợ tuy có nhiều cố gắng nhưng có thời điểm thu hồi còn chậm, dư nợ phải thu cuối kỳ còn tương đối cao, lượng vốn vay phải huy động còn khá lớn, Công tác triển khai thực hiện một số công việc theo Nghị quyết của HĐQT còn chậm.

Đề nghị: Ban điều hành tăng cường thu hồi công nợ khách hàng để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm vốn vay, góp phần nâng cao hiệu quả, phòng chống rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính. Công ty cần tiếp tục phát huy hệ thống kiểm soát nội bộ để kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm giá thành, bảo đảm chất lượng sản phẩm nhằm củng cố và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường trước tình hình chi phí đầu vào ngày càng tăng mà giá bán lại rất khó.

## Đánh giá hoạt động của BKS đối với HĐQT và Ban điều hành

Ban kiểm soát đánh giá cao sự năng động, nhạy bén và những cố gắng của HĐQT và Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế; trong cả nhiệm kỳ Công ty luôn tăng trưởng, phát triển ổn định cả về quy mô, năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh; chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín trên thị trường, tạo cơ hội phát triển cho Công ty trong những giai đoạn tiếp theo.



# Ban kiểm soát

## Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022

Sau đại hội, BKS nhiệm kỳ mới sẽ họp phân công nhiệm vụ và lập kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm 2018 và cả nhiệm kỳ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật Nhà nước. Trong đó tập trung:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BGD; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty;
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty, với một mục đích chung là thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



# Lương, thù lao của HĐQT, BGD và BKS năm 2017

	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
<b>Hội đồng quản trị</b>	1. Ông Phan Trí Nghĩa (bổ nhiệm từ 23/04/2017)	Chủ tịch	-	322,126,356	322,126,356
	2. Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên	67,953,600	408,938,979	476,892,579
	3. Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	67,953,600	-	67,953,600
	4. Ông Lê Xuân Thọ (bổ nhiệm từ 21/07/2017)	Phó Chủ tịch	28,314,000	185,361,352	213,675,352
	5. Ông Nguyễn Hữu Long (bổ nhiệm từ 21/07/2017)	Ủy viên	28,314,000	-	28,314,000
	6. Ông Nguyễn Hồng Viện (miễn nhiệm)	Chủ tịch	30,201,600	-	30,201,600
	7. Ông Nguyễn Xuân Hải (miễn nhiệm từ 21/07/2017)	Phó Chủ tịch	33,976,800	237,199,346	271,176,146
	8. Bà Trần Thị Hồng Thái (miễn nhiệm từ 21/07/2017)	Ủy viên	39,639,600	60,190,000	99,829,600
	<b>Tổng</b>		<b>296,353,200</b>	<b>1,213,816,033</b>	<b>1,510,169,233</b>
<b>Ban giám đốc</b>	1. Ông Lê Xuân Thọ (bổ nhiệm từ 18/06/2017)	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật	-	219,562,109	219,562,109
	2. Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc	-	408,938,979	408,938,979
	3. Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	-	310,073,368	310,073,368
	4. Ông Nguyễn Xuân Hải (miễn nhiệm từ 18/06/2017)	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật	-	237,199,346	237,199,346
	<b>Tổng</b>		-	<b>1,175,773,801</b>	<b>1,175,773,801</b>
<b>Ban kiểm soát</b>	1. Ông Trần Ngọc Sâm (thay thế ông Tạ Quang Mạnh làm Trưởng BKS từ 23/04/2017)	Trưởng BKS	-	262,233,236	262,233,236
	2. Ông Tạ Quang Mạnh (bổ nhiệm từ 21/07/2017)	TV BKS	46,474,890	-	46,474,890
	3. Ông Đinh Xuân Cường (bổ nhiệm từ 21/07/2017)	TV BKS	22,487,850	-	22,487,850
	4. Ông Nguyễn Ngọc Anh (miễn nhiệm từ 21/07/2017)	TV BKS	31,482,990	-	31,482,990
	5. Bà Nguyễn Thị Thanh Hào (miễn nhiệm từ 21/07/2017)	TV BKS	31,482,990	-	31,482,990
		<b>Tổng</b>		<b>131,928,720</b>	<b>262,233,236</b>

## Giao dịch cổ phiếu

**Giao dịch của người nội bộ và người liên quan:**  
không

**Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):**

- Ngày 02/11/2017 cổ đông Đào Thị Bích bán 1,480,242 cổ phiếu VBC (tỷ lệ 19.74%) đưa số cổ phiếu nắm giữ về 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- Công ty Cổ phần An Phát Holdings - người liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát - đã mua 1,480,242 cổ phiếu đưa số cổ phiếu nắm giữ sau giao dịch là 1,840,219 cổ phiếu (tỷ lệ 24.54%). Tên người có liên quan tại TCNY: Đinh Xuân Cường - Thành viên Ban Kiểm soát.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

# MỤC LỤC

--oOo--

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 37

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

*Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.*

**1. Thông tin chung về Công ty:**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển Nhà máy Nhựa bao bì (thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4) thành Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900531222 lần đầu ngày 03/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 05 (năm) ngày 26/6/2017.

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì xi măng, bao bì PP,...

**Tên tiếng anh:** VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** VBC.

**Mã chứng khoán:** VBC.

**Trụ sở chính:** Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 là **79.999.720.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Tại thời điểm 31/12/2017, cơ cấu của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty, 02 nhà máy sản xuất nhựa, bao bì tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và tại Khu công nghiệp Gia Lách, khối 7 Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2017 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 04 đến trang 34 kèm theo.

**3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông	Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/4/2017
Ông	Nguyễn Hồng Viện	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/4/2017
Ông	Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch	
Ông	Cao Xuân Vinh	Ủy viên	
Bà	Trần Thị Hồng Thái	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/7/2017
Ông	Nguyễn Hữu Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/7/2017
Bà	Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	

**Ban Kiểm soát**

Ông	Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/4/2017
Ông	Tạ Quang Mạnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22/4/2017
Ông	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/7/2017
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hào	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/7/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Ban Kiểm soát (tiếp theo)**

Ông	Tạ Quang Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/7/2017
Ông	Đình Xuân Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/7/2017

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Lê Xuân Thọ	Giám đốc - người đại diện theo pháp luật	Bổ nhiệm ngày 18/6/2017
Ông	Nguyễn Xuân Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/6/2017
Ông	Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc	
Ông	Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/02/2017
Bà	Trần Thị Hồng Thái	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/02/2017

**4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**5. Cam kết của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Đại diện Ban Giám đốc



Giám đốc

Lê Xuân Thọ





Số: 170629/BCKT-AISHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &  
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Vũ Khắc Chuyển**

Số Giấy CNĐKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Đào Tiên Đạt**

Số Giấy CNĐKHNKT: 0078-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

11/1/2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>316.785.092.510</b>	<b>299.053.066.982</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.091.796.485</b>	<b>7.942.187.398</b>
1. Tiền	111		8.091.796.485	7.942.187.398
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>221.265.809.871</b>	<b>189.469.315.903</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	219.449.240.622	177.493.138.578
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.184.522.560	12.868.583.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	134.032.077	1.269.264.157
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.501.985.388)	(2.161.670.332)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>85.214.481.900</b>	<b>97.943.333.084</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.214.481.900	97.943.333.084
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.213.004.254</b>	<b>3.698.230.597</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.427.392.573	778.515.676
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		785.611.681	2.919.714.921
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>103.124.321.499</b>	<b>81.178.683.465</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>95.678.540.956</b>	<b>72.408.928.376</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	95.678.540.956	72.408.928.376
<i>Nguyên giá</i>	222		215.411.142.672	178.508.053.942
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(119.732.601.716)	(106.099.125.566)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>124.315.000</b>	<b>0</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	124.315.000	0
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.321.465.543</b>	<b>8.769.755.089</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.321.465.543	8.769.755.089
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>419.909.414.009</b>	<b>380.231.750.447</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

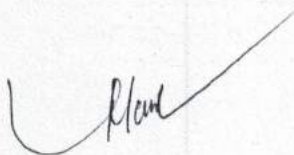
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>315.460.053.372</b>	<b>282.025.674.728</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>285.450.675.963</b>	<b>260.724.501.719</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	110.304.782.396	98.766.021.151
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.047.683.500	33.930.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.910.697.079	2.529.552.515
4. Phải trả người lao động	314		18.981.137.948	21.003.001.048
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.892.512.158	165.282.492
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	778.980.081	1.496.299.605
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	145.983.523.551	135.423.605.658
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	3.551.359.250	1.306.809.250
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.009.377.409</b>	<b>21.301.173.009</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	29.109.377.409	20.401.173.009
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	900.000.000	900.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>104.449.360.637</b>	<b>98.206.075.719</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>104.449.360.637</b>	<b>98.206.075.719</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20.2	74.999.720.000	29.999.890.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>74.999.720.000</i>	<i>29.999.890.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Cổ phiếu quỹ	415	V.37c	(120.000)	0
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.188.416.174	40.320.619.537
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.811.349.918	26.435.571.637
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>26.811.349.918</i>	<i>26.435.571.637</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>419.909.414.009</b>	<b>380.231.750.447</b>

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

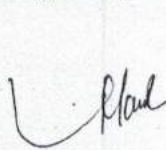
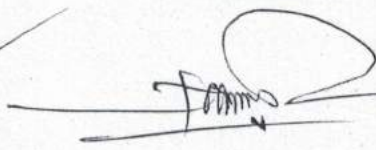
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	763.387.201.110	700.071.028.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	64.827.000	0
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.3	<b>763.322.374.110</b>	<b>700.071.028.123</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	682.913.881.714	621.962.349.630
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>80.408.492.396</b>	<b>78.108.678.493</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	339.595.601	200.604.758
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.091.217.540	10.081.266.926
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.779.621.452	9.994.710.378
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	17.756.538.574	18.347.740.657
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	15.745.578.413	16.475.002.590
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>34.154.753.470</b>	<b>33.405.273.078</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	400.543.953	54.589.429
12. Chi phí khác	32	VI.9	339.472.566	183.956.475
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>61.071.387</b>	<b>(129.367.046)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>34.215.824.857</b>	<b>33.275.906.032</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	7.404.474.939	6.840.334.395
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>26.811.349.918</b>	<b>26.435.571.637</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.271,42	6.955,88
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	4.271,42	6.955,88

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	765.438.312.864	729.655.827.734
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(612.000.127.858)	(572.509.022.595)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(84.785.232.687)	(64.558.234.671)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(11.772.430.910)	(9.887.771.697)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(6.899.769.457)	(5.763.056.320)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.327.491.362	1.405.327.659
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.910.913.884)	(57.474.060.918)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.397.329.430</b>	<b>20.869.009.192</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.840.349.250)	(51.259.934.889)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	0	427.454.542
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.280.623	15.874.696
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.834.068.627)</b>	<b>(50.816.605.651)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	658.821.123.821	580.914.644.102
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(639.553.001.528)	(522.400.789.467)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.682.379.750)	(20.999.923.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.585.742.543</b>	<b>37.513.931.635</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>149.003.346</b>	<b>7.566.335.176</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>7.942.187.398</b>	<b>346.607.053</b>
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>605.741</i>	<i>29.245.169</i>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.091.796.485</b>	<b>7.942.187.398</b>

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển Nhà máy Nhựa bao bì (thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4) thành Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900531222 lần đầu ngày 03/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 05 (năm) ngày 26/6/2017.

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì xi măng, bao bì PP,...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn. Chi tiết: in bao bì;

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì xi măng;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà ở;

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán xi măng;

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán (tiếp theo)

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

#### Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, các khoản phải thu và phải trả, các khoản vay ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)**

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi:** Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi:** Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình mua sắm**

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

00  
 C  
 CC  
 KI  
 A  
 P  
 2/1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	02 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 " Chi phí đi vay".

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; chi phí vận chuyển và tiền lương nghỉ phép.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành của sản phẩm sản xuất đã bán trong năm.

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, nhiên liệu, khấu hao phương tiện vận tải...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý.

**22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là đối với hàng bán trong nước là: 10%, Thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu là: 0%

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	8.091.796.485	7.942.187.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	202.568.768	34.043.066
<b>Cộng</b>	<b>7.889.227.717</b>	<b>7.908.144.332</b>
	<b>8.091.796.485</b>	<b>7.942.187.398</b>

**(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Ngoại tệ	đ	Ngoại tệ	đ
<b>Tiền gửi Việt Nam đồng</b>		<b>7.822.068.631</b>		<b>5.979.233.372</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nghệ An		7.681.102.245		911.531.188
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An		114.360.063		5.043.880.130
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN thành phố Vinh		26.606.323		23.822.054
<b>Tiền gửi ngoại tệ (USD)</b>	<b>2,962.37</b>	<b>67.159.086</b>	<b>84.918</b>	<b>1.928.910.960</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nghệ An	733.08	16.632.122	84.918	1.928.910.960
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	2,229.29	50.526.964	0	0
<b>Cộng</b>	<b>2,962.37</b>	<b>7.889.227.717</b>	<b>84.918</b>	<b>7.908.144.332</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>219.449.240.622</b>	<b>(1.398.440.388)</b>	<b>177.493.138.578</b>	<b>(2.161.670.332)</b>
Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	53.528.449.961	0	0	0
Công ty TNHH Long Sơn	22.312.848.250	0	6.146.822.000	0
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	20.479.401.063	0	709.289.587	0
Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	19.564.300.000	0	13.458.620.000	0
Công ty Cổ phần Vissai Hà Nam	17.193.740.000	0	7.588.830.000	0
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	15.015.136.829	0	13.788.333.757	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	10.790.500.000	0	8.120.000.000	0
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Nhật Anh	8.493.600.000	0	0	0
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	0	0	55.905.626.412	0
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Miền Trung	0	0	7.967.554.463	0
Công ty TNHH Mỹ Hạnh	0	0	16.719.763.500	0
Phải thu các khách hàng khác	52.071.264.519	(1.398.440.388)	47.088.298.859	(2.161.670.332)
<b>Cộng</b>	<b>219.449.240.622</b>	<b>(1.398.440.388)</b>	<b>177.493.138.578</b>	<b>(2.161.670.332)</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.184.522.560</b>	<b>0</b>	<b>12.868.583.500</b>	<b>0</b>
ROXCEL	1.576.101.128	0	0	0
HANDELSGESELLSCHAFT POLYMMA ( H.K) CO., LIMITED	1.007.880.000	0	354.776.400	0
Công ty Cổ phần Giải pháp ERP - ITG	207.090.000	(103.545.000)	207.090.000	0
Công ty TNHH TPC - LA ASIA FOCUS IND CO.,LTD	122.921.000	0	547.736.600	0
HENGLY MACHINERY CO., LTD	0	0	6.997.162.500	0
VICTORY INTERNATIONAL (PTE),	0	0	3.328.380.000	0
Trả trước cho các người bán khác	270.530.432	0	1.352.538.000	0
<b>Cộng</b>	<b>3.184.522.560</b>	<b>(103.545.000)</b>	<b>12.868.583.500</b>	<b>0</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. Phải thu khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>134.032.077</b>	<b>0</b>	<b>1.269.264.157</b>	<b>0</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	0	1.097.388.000	0
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN thành phố Vinh	0	0	1.097.388.000	0
Tạm ứng	110.882.077	0	171.876.157	0
Trần Thị Hồng Thái	14.700.000	0	0	0
Nguyễn Thị Thanh Nga	0	0	23.090.100	0
Cao Cự Tiến	4.062.500	0	23.000.000	0
Các đối tượng tạm ứng khác	92.119.577	0	125.786.057	0
Phải thu ngắn hạn khác	23.150.000	0	0	0
Công ty CP Giao nhận Vận tải Châu Á Thái Bình	10.750.000	0	0	0
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ GNVТ	12.400.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>134.032.077</b>	<b>0</b>	<b>1.269.264.157</b>	<b>0</b>

**5. Nợ xấu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 01 năm đến 02 năm	603.572.875	301.786.438	0	0
Công ty Cổ phần Giải pháp ERP - ITG	207.090.000	103.545.000	0	0
Công ty Xi măng Phương Hải - Ninh Thuận	148.345.875	74.172.938	0	0
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ MOICO	248.137.000	124.068.500	0	0
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 02 năm đến 03 năm	0	0	100.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Đông Đô	0	0	100.000.000	50.000.000
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 03 năm	1.200.198.950	0	2.649.328.331	537.657.999
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2	0	0	1.449.129.381	434.738.814



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. Nợ xấu (tiếp theo)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 02 năm đến 03 năm				
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Viễn thông Nghệ An</i>	343.063.950	0	343.063.950	102.919.185
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (COTECH)</i>	857.135.000	0	857.135.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.803.771.826</b>	<b>301.786.438</b>	<b>2.749.328.331</b>	<b>587.657.999</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.968.234.971	0	64.988.405.280	0
Công cụ, dụng cụ	1.464.245.725	0	2.646.841.955	0
Chi phí SXKD dở dang	32.940.941.917	0	19.381.155.224	0
Thành phẩm	13.964.754.701	0	10.120.773.593	0
Hàng hóa	0	0	806.157.032	0
Hàng gửi đi bán	876.304.586	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>85.214.481.900</b>	<b>0</b>	<b>97.943.333.084</b>	<b>0</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.427.392.573</b>	<b>778.515.676</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.145.851.387	445.626.928
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	69.785.417	297.505.415
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	211.755.770	35.383.333
<b>b. Dài hạn</b>	<b>7.321.465.543</b>	<b>8.769.755.089</b>
Chi phí thuê đất (*)	3.033.105.180	3.143.066.697
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.790.979.364	2.794.078.063
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.497.380.999	2.832.610.329
<b>Cộng</b>	<b>8.748.858.116</b>	<b>9.548.270.765</b>

(\*) Là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nhà máy 2 tại Khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã chi, nhưng được Nhà nước hỗ trợ lại thông qua việc giảm trừ vào tiền thuê đất hàng năm cho giai đoạn từ ngày 01/4/2011 đến ngày 01/8/2045.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
 Điện thoại: 0238 3855 524 Fax: 0238 3856 007

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: đồng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	47.538.217.247	119.926.424.344	10.226.129.707	766.992.644	50.290.000	178.508.053.942	
Mua trong năm	957.116.363	29.003.345.185	3.579.845.455	143.624.000	0	33.683.931.003	
Tặng do xây dựng cơ bản hoàn thành	3.219.157.727	0	0	0	0	3.219.157.727	
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	51.714.491.337	148.929.769.529	13.805.975.162	910.616.644	50.290.000	215.411.142.672	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2017	18.769.098.389	81.294.039.065	5.566.801.426	418.896.686	50.290.000	106.099.125.566	
Khấu hao trong năm	4.877.678.740	7.055.348.122	1.561.150.379	139.298.909	0	13.633.476.150	
Tại ngày 31/12/2017	23.646.777.129	88.349.387.187	7.127.951.805	558.195.595	50.290.000	119.732.601.716	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2017	28.769.118.858	38.632.385.279	4.659.328.281	348.095.958	0	72.408.928.376	
Tại ngày 31/12/2017	28.067.714.208	60.580.382.342	6.678.023.357	352.421.049	0	95.678.540.956	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 51.056.814.205 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý: 70.559.504.793 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý: 0 đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>124.315.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Mua sắm TSCĐ	124.315.000	0	0	0
Máy chủ cho Dự án VBC ERP (Quản trị Doanh nghiệp tổng thể)	124.315.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>124.315.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>110.304.782.396</b>	<b>110.304.782.396</b>	<b>98.766.021.151</b>	<b>98.766.021.151</b>
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	21.056.877.200	21.056.877.200	13.394.898.000	13.394.898.000
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	14.909.900.772	14.909.900.772	24.530.628.945	24.530.628.945
Công ty Hóa chất Nhựa Đà Nẵng	8.940.000.001	8.940.000.001	0	0
CN Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	8.578.515.000	8.578.515.000	0	0
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Minh Giang	6.994.612.910	6.994.612.910	900.319.200	900.319.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	3.643.632.300	3.643.632.300	0	0
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	2.278.778.350	2.278.778.350	588.715.365	588.715.365
Công ty TNHH Đông Á VINOMIG SINGAPORE PTE LTD	0	0	16.882.618.820	16.882.618.820
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hiếu Vinh	0	0	4.601.658.600	4.601.658.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hiếu Vinh	0	0	4.233.405.960	4.233.405.960
Phải trả các đối tượng khác	43.902.465.863	43.902.465.863	33.633.776.261	33.633.776.261
<b>Cộng</b>	<b>110.304.782.396</b>	<b>110.304.782.396</b>	<b>98.766.021.151</b>	<b>98.766.021.151</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.047.683.500</b>	<b>33.930.000</b>
KHAMKEUT SAEN OUDOM GOLD MINING CO., LTD	1.016.293.500	0
Công ty TNHH Bách Đại Phát	20.240.000	0
Công ty Cổ phần Tư vấn XD và DV TM Hồng Vinh	11.150.000	0
Công ty TNHH Thương mại HTH	0	27.060.000
Công ty Cổ phần Thương mại và ĐTXD Tuấn Anh	0	5.000.000
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Trung Nam	0	1.870.000
<b>Cộng</b>	<b>1.047.683.500</b>	<b>33.930.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238 3855 524

Fax: 0238 3856 007

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2017		Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	01/01/2017	
	Phải nộp	Phải thu		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	0	785.611.681	60.638.480.192	0	2.919.714.921
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	17.066.813.715	0	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	1.303.826.019	0	0
Thuế TNDN	2.566.052.649	0	6.899.769.457	2.490.233.465	0
Thuế TNCN	344.644.430	0	690.175.742	39.319.050	0
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	423.764.591	0	0
Các loại thuế khác	0	0	4.000.000	0	0
<b>Cộng</b>	<b>2.910.697.079</b>	<b>785.611.681</b>	<b>87.026.829.716</b>	<b>2.529.552.515</b>	<b>2.919.714.921</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238 3855 524

Fax: 0238 3856 007

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

(\*) Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Loại tiền	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Số dư tại 31/12/2017		Hình thức đảm bảo
				Ngoại tệ	d	
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghệ An</b>						
				121.691.523.551	67.807.558.628	

- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1 716660 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/7/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/5/2012;

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất 49.111.197.435 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/5/2012;

- Các máy móc thiết bị, xe máy chuyên dùng theo Hợp đồng thế chấp tài sản

- Tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy Sản xuất bao bì tại Khu Công nghiệp Gia Lách, Hà Tĩnh.

Tài sản đảm bảo chung với hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 171/HĐHM17/NAN.KHDN ngày 14/4/2017.

28.064.516.786

**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN thành phố Vinh**

01/2016-

HĐTDHM/NHCT442-NHỰA. BAO BÌ VINH

04 tháng kể từ ngày rút vốn

Theo giấy nhận nợ

28.064.516.786

Theo giấy nhận nợ

01/2017-

HĐCVHM/NHCT442-NHỰA. BAO BÌ VINH

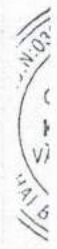
04 tháng kể từ ngày rút vốn

Theo giấy nhận nợ

28.064.516.786

Theo giấy nhận nợ

Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-2016/HĐBTC ký ngày 9/12/2016





Số hợp đồng	Loại tiền	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Số dư tại 31/12/2017	Hình thức đảm bảo
				Ngoại tệ	d
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng (tiếp theo)</b>					
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Nghệ An</i>					
42070.16.8.810.367001.TD ngày 29/7/2016	USD	05 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo giấy nhận nợ	1.134.422,00	Đảm bảo bằng các khoản phải thu luân chuyển và một số máy móc thiết bị.
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>				<b>35.109.377.409</b>	
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghệ An</i>					
21/DADT16/VIN.KHDN ngày 13/01/2016	VND	60 tháng	Lãi suất 7,5% trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi	18.172.413.009	Tài sản thế chấp bao gồm tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
578/DTDA17/NAN.KHDN ngày 16/11/2017	USD	60 tháng	Theo giấy nhận nợ	8.062.740.400	- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1 716660 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/7/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/5/2012; - Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/5/2012; - Các máy móc thiết bị, xe máy chuyên dùng theo Hợp đồng thế chấp tài sản; - Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn tự có của khách hàng và từ khoản nợ theo Hợp đồng này quy định tại Hợp đồng thế chấp.
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP Vinh</b>				<b>4.566.224.000</b>	
01/2016- HBTDDA/NHCT442- NHƯA, BAO BÌ VINH ngày 08/12/2016	VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ	4.566.224.000	Tài sản đảm bảo là máy móc hình thành trong tương lai.
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Nghệ An</i>					
15154.17.810.367001.TD ngày 30/08/2017	VND	60 tháng	Lãi suất thả nổi	4.308.000.000	Xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Huyndai, biển số 37C-267.33; 01 bộ máy đun nhựa tráng màng; Hệ thống máy tạo ống bao xi măng, nhãn hiệu Newlong - Nhật.

(\*\*) Thuyết minh các khoản vay cá nhân

Hợp đồng vay cá nhân theo hình thức tín chấp dưới 01 năm, trước tháng 3/2017 áp dụng lãi suất 6,6%/năm và từ tháng 3/2017 trở đi áp dụng lãi suất 7,2%/ năm.







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*\*) Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2016 theo Quyết định số 06/NQ-HĐQT ngày 26/5/2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHCD ngày 22/4/2017 của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh. Đối tượng phát hành là tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Trong đó, nguồn vốn đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2016 trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty để đảm bảo tỷ lệ phát hành đã được thông qua.

**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	38.219.320.000	15.287.730.000
Cổ đông khác	36.780.400.000	14.712.160.000
<b>Cộng</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>29.999.890.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	74.999.720.000	29.999.890.000
+ Vốn góp đầu năm	29.999.890.000	29.999.890.000
+ Vốn góp tăng trong năm	44.999.830.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	74.999.720.000	29.999.890.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.999.945.000	20.999.923.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	2.999.989
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.499.972	2.999.989
+ Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	2.999.989
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.972	2.999.989
+ Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	2.999.989
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	1.188.416.174	40.320.619.537
<b>Cộng</b>	<b>1.188.416.174</b>	<b>40.320.619.537</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
USD	2,962.37	84.918
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>84.918</b>

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
<b>Cộng</b>	<b>491.467.370</b>	<b>491.467.370</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
<b>Doanh thu</b>	<b>763.387.201.110</b>	<b>700.071.028.123</b>
Doanh thu bán hàng hóa	5.115.580.133	23.871.218.370
Doanh thu bán thành phẩm	758.271.620.977	676.199.809.753
<b>Cộng</b>	<b>763.387.201.110</b>	<b>700.071.028.123</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017	Năm 2016
Giảm giá hàng bán	64.827.000	0
<b>Cộng</b>	<b>64.827.000</b>	<b>0</b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu thuần bán hàng hóa	5.115.580.133	23.871.218.370
Doanh thu thuần bán thành phẩm	758.206.793.977	676.199.809.753
<b>Cộng</b>	<b>763.322.374.110</b>	<b>700.071.028.123</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán hàng hóa	4.784.867.823	23.271.390.198
Giá vốn bán thành phẩm	678.129.013.891	598.690.959.432
<b>Cộng</b>	<b>682.913.881.714</b>	<b>621.962.349.630</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.280.623	15.874.696
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm	333.314.978	109.070.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm	0	75.659.414
<b>Cộng</b>	<b>339.595.601</b>	<b>200.604.758</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lãi vay	12.779.621.452	9.994.710.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm	113.920.702	86.556.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm	197.675.386	0
<b>Cộng</b>	<b>13.091.217.540</b>	<b>10.081.266.926</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.127.000.542	1.179.631.368
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.975.015.881	1.652.632.144
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.140.000	0
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.302.799.242	1.266.102.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.418.293.603	13.114.468.375
Chi phí bằng tiền khác	932.289.306	1.134.906.750
<b>Cộng</b>	<b>17.756.538.574</b>	<b>18.347.740.657</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.691.660.728	6.955.543.809
Chi phí vật liệu quản lý	425.180.779	328.012.418
Chi phí đồ dùng văn phòng	864.618.901	275.787.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	576.165.885	693.411.991
Thuế, phí và lệ phí	576.296.636	1.110.860.290
Chi phí dự phòng	(659.684.944)	840.649.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.608.618.192	2.936.614.985
Chi phí bằng tiền khác	3.662.722.236	3.334.122.256
<b>Cộng</b>	<b>15.745.578.413</b>	<b>16.475.002.590</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm 2017	Năm 2016
Giảm trừ phí lưu công	118.312.135	30.705.954
Giảm trừ công nợ do chất lượng nguyên liệu kém	32.087.396	0
Thu nhập khác	250.144.422	23.883.475
<b>Cộng</b>	<b>400.543.953</b>	<b>54.589.429</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. Chi phí khác**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí hàng hủy	0	37.939.286
Lỗ thuần từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	0	37.903.034
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt xử lý thuế	214.064.563	62.701.959
Giảm trừ do rách vỡ hàng hóa	53.331.922	0
Chi phí khác	177.742.684	45.412.196
<b>Cộng</b>	<b>339.472.566</b>	<b>183.956.475</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	560.570.688.321	487.884.783.873
Chi phí nhân công	99.907.604.326	79.105.932.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.633.476.150	15.550.693.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.447.057.059	35.195.771.220
Chi phí khác bằng tiền	5.824.725.788	5.840.195.532
<b>Cộng</b>	<b>716.383.551.644</b>	<b>623.577.377.382</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017	Năm 2016
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>34.215.824.857</b>	<b>33.275.906.032</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</b>	<b>662.118.347</b>	<b>292.864.773</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	662.118.347	380.931.683
- Các khoản chi phí không phục vụ cho sản xuất kinh doanh	277.228.769	103.909.196
- Chi phí khấu hao TSCĐ không được trừ	11.000.000	44.000.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	177.031.940	131.336.533
- Chi phí hàng rách vỡ không được trừ	17.953.527	26.576.499
- Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt xử lý thuế	91.142.658	62.701.959
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	87.761.453	12.407.496
Các khoản điều chỉnh giảm	0	(88.066.910)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	0	(88.066.910)
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>34.877.943.204</b>	<b>33.568.770.805</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.975.588.641	6.713.754.161
<b>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay</b>	<b>428.886.298</b>	<b>126.580.234</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.404.474.939</b>	<b>6.840.334.395</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (\*)  
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm  
**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
	26.811.349.918	26.435.571.637
	26.811.349.918	26.435.571.637
	5.940.000.000	5.568.000.000
	4.886.283	2.999.989
	<b>4.271,42</b>	<b>6.955,88</b>

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (\*)  
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm  
**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
	26.811.349.918	26.435.571.637
	26.811.349.918	26.435.571.637
	5.940.000.000	5.568.000.000
	4.886.283	2.999.989
	<b>4.271,42</b>	<b>6.955,88</b>

(\*) Năm 2016 lấy số liệu chính xác phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017. Năm 2017 lấy theo số tạm tính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua ở Đại hội đồng năm 2017 - Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

T.N.H.N.V.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017</b>		
Đồng	+100	(1.670.011.045)
Đồng	-100	1.670.011.045
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016</b>		
Đồng	+100	(1.478.825.913)
Đồng	-100	1.478.825.913

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**14.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Ngoài ra, Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình với số dư nợ phải thu tại 31/12/2017 là 53.528.449.961 đồng chiếm 24,39% tổng dư nợ phải thu khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng khác tại thời điểm 31/12/2017 có số dư từ khoảng 10% trở xuống nên rủi ro tín dụng ít tập trung vào những đối tượng khách hàng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>			
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	145.983.523.551	29.109.377.409	0	175.092.900.960
Phải trả người bán	110.304.782.396	0	0	110.304.782.396
Chi phí phải trả	1.892.512.158	0	0	1.892.512.158
Các khoản phải trả, phải nộp khác	265.101.900	0	0	265.101.900
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>258.445.920.005</b>	<b>29.109.377.409</b>	<b>0</b>	<b>287.555.297.414</b>
Các khoản vay và nợ	135.423.605.658	20.401.173.009	0	155.824.778.667
Phải trả người bán	98.766.021.151	0	0	98.766.021.151
Chi phí phải trả	165.282.492	0	0	165.282.492
Các khoản phải trả, phải nộp khác	576.000.000	0	0	576.000.000
<b>Cộng</b>	<b>234.930.909.301</b>	<b>20.401.173.009</b>	<b>0</b>	<b>255.332.082.310</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng. Đối với các khoản vay dưới 01 năm, Công ty có thể tiếp tục duy trì nguồn vốn này với các bên cho vay hiện tại (sau khi đã thanh toán đủ cả gốc và lãi).

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các khoản phải thu luân chuyển làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Vinh và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
 Điện thoại: 0238 3855 524 Fax: 0238 3856 007

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2017		01/01/2017		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.091.796.485	0	7.942.187.398		8.091.796.485	7.942.187.398
- Phải thu khách hàng	219.449.240.622	(1.398.440.388)	177.493.138.578	(2.161.670.332)	218.050.800.234	175.331.468.246
- Phải thu khác	23.150.000	0	0	0	23.150.000	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>227.564.187.107</b>	<b>(1.398.440.388)</b>	<b>185.435.325.976</b>	<b>(2.161.670.332)</b>	<b>226.165.746.719</b>	<b>183.273.655.644</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	175.092.900.960	0	155.824.778.667	0	175.092.900.960	155.824.778.667
- Phải trả người bán	110.304.782.396	0	98.766.021.151	0	110.304.782.396	98.766.021.151
- Chi phí phải trả	1.892.512.158	0	165.282.492	0	1.892.512.158	165.282.492
- Phải trả khác	265.101.900	0	576.000.000	0	265.101.900	576.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>287.555.297.414</b>	<b>0</b>	<b>255.332.082.310</b>	<b>0</b>	<b>287.555.297.414</b>	<b>255.332.082.310</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	658.821.123.821	580.914.644.102
<b>Cộng</b>	<b>658.821.123.821</b>	<b>580.914.644.102</b>

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	639.553.001.528	522.400.789.467
<b>Cộng</b>	<b>639.553.001.528</b>	<b>522.400.789.467</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính này.

**2. Giao dịch với các bên liên quan****a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt**

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	1.960.632.689	1.615.148.880
<b>Cộng</b>	<b>1.960.632.689</b>	<b>1.615.148.880</b>

**b. Các giao dịch trọng yếu và số dư các bên liên quan trong năm như sau**

Đơn vị tính: đồng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	01/01/2017	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	31/12/2017
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Công ty mẹ	Thuê phương tiện vận chuyển	0	200.000.000	200.000.000	0
		Mua xe ô tô tải	0	2.070.000.000	2.070.000.000	0

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và mua bán bao bì xi măng, bao bì PP, trong đó doanh thu bán hàng hóa (nguyên vật liệu, hàng hóa) nhỏ (chiếm dưới 10% tổng doanh thu thuần). Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: bán hàng hóa trong nước và xuất khẩu:

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>627.654.981.371</b>	<b>135.667.392.739</b>	<b>763.322.374.110</b>
Doanh thu thuần bán hàng bán ra bên ngoài	627.654.981.371	135.667.392.739	763.322.374.110
<b>2. Chi phí</b>	<b>585.041.158.979</b>	<b>131.374.839.722</b>	<b>716.415.998.701</b>
Giá vốn	557.493.465.728	125.420.415.986	682.913.881.714
Chi phí phân bổ	27.547.693.251	5.954.423.736	33.502.116.987
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2)</b>	<b>42.613.822.392</b>	<b>4.292.553.017</b>	<b>46.906.375.409</b>
<b>4. Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ</b>	<b>30.344.200.897</b>	<b>6.558.887.833</b>	<b>36.903.088.730</b>
<b>5. Tài sản bộ phận</b>	<b>345.277.754.677</b>	<b>74.631.659.332</b>	<b>419.909.414.009</b>
Tổng tài sản	345.277.754.677	74.631.659.332	419.909.414.009
<b>6. Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>259.392.467.243</b>	<b>56.067.586.129</b>	<b>315.460.053.372</b>
Tổng nợ phải trả	259.392.467.243	56.067.586.129	315.460.053.372

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 được lấy từ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành như sau:

*Đơn vị tính: đồng/cổ phiếu***Trên Báo cáo kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
		Năm 2016	Năm 2016	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.925,22	6.955,88	969,34
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.925,22	6.955,88	969,34



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

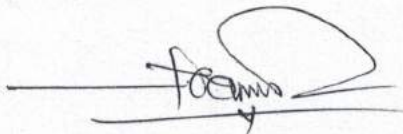
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ